

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/BB-ĐHĐCĐ-VTG

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2022

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Tên Công ty: TỔNG CÔNG TY CP ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VIETTEL.

Trụ sở: Tầng 39, 40 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Giấy CNĐKDN: 0102409426 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 24/10/2007, thay đổi lần 24 ngày 16 tháng 7 năm 2021.

Vào hồi 9h00 phút ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Hội trường của Học viện Viettel tại Thôn 6, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (“**Viettel Global**” hoặc “**Tổng Công ty**”) tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 (“**Đại hội**”).

A. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH HỢP PHÁP, HỢP LỆ CỦA ĐẠI HỘI:

I. Thành phần tham dự:

1. Các cổ đông sáng lập

Tập đoàn Công nghiệp - Viễn Thông Quân đội (“VIETTEL”)

- Địa chỉ: Tòa nhà Viettel Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số ĐKKD: 0100109106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/7/2010, thay đổi lần thứ 9 ngày 25 tháng 1 năm 2018;
- Đại diện theo ủy quyền:
Bà Nguyễn Thị Hải Lý – Chủ tịch HĐQT Viettel Global
Ông Nguyễn Đạt – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Viettel Global
Hiện VIETTEL nắm giữ 3.014.205.300 cổ phần phổ thông của Tổng Công ty.

2. Các cổ đông phổ thông khác

09 cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đại diện cho 91.130 cổ phần phổ thông của Tổng Công ty.

3. Các khách mời khác được mời tham dự Đại hội.

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam – Đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo năm tài chính 2021 của Tổng Công ty.
- Các khách mời khác.

II. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Ông Mẫn Mạnh Tuấn thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

- Tổng số cổ phần phổ thông của Viettel Global: 3.043.811.200 cổ phần.
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Viettel Global: 3.043.811.200 cổ phần.
- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 10.073 cổ đông, đại diện cho 3.043.811.200 cổ phần có quyền biểu quyết của Viettel Global.
- Tổng số cổ đông (*bao gồm cả đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp*) tham dự Đại hội ngày hôm nay là: 10 cổ đông, đại diện cho 3.014.296.430 cổ phần, chiếm 99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Viettel Global.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Điều lệ hiện tại của Viettel Global, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Viettel Global được triệu tập là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

B. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI:

I. Giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định Ban Thư ký, bầu Ban Kiểm phiếu, thông qua Quy chế tổ chức đại hội, thể thức Biểu quyết,:

1. Giới thiệu Đoàn chủ tịch

- Bà Nguyễn Thị Hải Lý – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty (“**HĐQT**”) làm Chủ tọa của Đại hội và thay mặt HĐQT ký Biên bản, Nghị quyết của Đại hội.
- Bà Nguyễn Thị Hải Lý đề cử Ông Nguyễn Đạt – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Tổng Công làm ủy viên Đoàn chủ tịch.
- 100% cổ đông tham dự đã thông qua việc bầu Ông Nguyễn Đạt làm ủy viên Đoàn Chủ tịch.

2. Chỉ định Ban Thư ký

Chủ tọa đã chỉ định Ông Đàm Minh Toàn - Thư ký Tổng Công ty làm thư ký cho Đại hội.

3. Bầu Ban Kiểm phiếu

- Chủ tọa đề nghị Đại hội thông qua thành phần Ban kiểm phiếu bao gồm các thành viên:
 - (i) Bà Quàn Thị Thu Hà – Thành viên Ban Kiểm soát - Trưởng ban;
 - (ii) Bà Bùi Phương Linh – Phòng Pháp chế Tổng Công ty - Ủy viên;
 - (iii) Bà Hoàng Hương Quỳnh – Văn phòng HĐQT Tổng Công ty - Ủy viên.
 - (iv) Ông Mẫn Mạnh Tuấn – Phòng Chính trị Nhân sự Tổng Công ty – Ủy viên.
 - (v) Ông Đỗ Minh Hải - Phòng Chính trị Nhân sự Tổng Công ty – Ủy viên.
- 100% cổ đông tham dự đã thống nhất thông qua thành phần Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

4. Biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội:

- Đoàn chủ tịch công bố Chương trình nghị sự của Đại hội và đề nghị Đại hội đóng góp ý kiến.
- Đại hội nhất trí thông qua Chương trình nghị sự với tỷ lệ tán thành là 100% số phiếu bầu của các cổ đông dự họp.

5. Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc, Thể thức biểu quyết:

- Đoàn Chủ tịch yêu cầu Ban tổ chức thông báo về dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội; Thể thức biểu quyết tại Đại hội và đề nghị Đại hội đóng góp ý kiến (nếu có).
- Đại hội nhất trí thông qua Quy chế làm việc, Thể thức biểu quyết tại đại hội như đã được báo cáo tại Đại hội với tỷ lệ tán thành chiếm 100% số phiếu bầu của các cổ đông dự họp.

II. Nội dung chính của Đại hội:

1. Các báo cáo, nội dung được trình bày tại Đại hội

1.1. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng hoạt động cho Tổng Công ty năm 2022

Ông Lê Xuân Hùng – Thành viên HĐQT đã thay mặt HĐQT trình bày trước Đại hội Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và định hướng hoạt động của Tổng Công ty năm 2022.

(Nội dung chi tiết bản Báo cáo được đính kèm Biên bản này);

1.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Tổng Công ty.

Ông Nguyễn Đạt thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trình bày trước Đại hội Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Tổng Công ty.

(Nội dung chi tiết bản Báo cáo được đính kèm Biên bản này);

1.3. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm tài chính 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo sử dụng vốn điều lệ tăng thêm sau các đợt tăng vốn.

Đoàn chủ tịch đã chỉ định Ông Nguyễn Cao Lợi – Kế toán trưởng Tổng Công ty trình bày trước Đại hội tóm tắt Báo cáo tài chính năm tài chính 2021 của Tổng Công ty đã kiểm toán và Báo cáo sử dụng vốn điều lệ tăng thêm sau các đợt tăng vốn.

(Chi tiết báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Tổng Công ty đã được đăng tải chính thức trên website của

Tổng Công ty và được Tổng Công ty báo cáo với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo qui định, Tờ trình của Báo cáo được đính kèm theo Biên bản này).

1.4. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2021

Ông Lê Quang Tiệp – Trưởng Ban kiểm soát trình bày trước Đại hội Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2021.

(Nội dung chi tiết bản Báo cáo được đính kèm theo Biên bản này);

1.5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính năm 2021 và việc trích lập các quỹ của Tổng Công ty.

Đoàn chủ tịch đã chỉ định Ông Nguyễn Cao Lợi – Kế toán trưởng Tổng Công ty trình bày trước Đại hội kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính 2021 của Tổng Công ty.

(Nội dung chi tiết Tờ trình được đính kèm theo Biên bản này);

1.6. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, soát xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên năm 2022 của Tổng Công ty (nếu có yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc theo qui định pháp luật)

Ông Lê Quang Tiệp – Đại diện Ban Kiểm soát trình bày trước Đại hội nội dung lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm tài chính năm 2022 của Tổng Công ty như sau:

Để đảm bảo thuận tiện cho việc lựa chọn công ty kiểm toán, Ban Kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thay mặt Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đơn vị kiểm toán (cung cấp dịch vụ tối đa 03 năm) sau khi đã được lựa chọn theo ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc và có ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát.

(Nội dung chi tiết Tờ trình được đính kèm theo Biên bản này);

1.7. Báo cáo về mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2021 và dự kiến mức thù lao năm 2022

Ông Lê Xuân Hùng – Thành viên HĐQT trình bày trước Đại hội về mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2021 và dự kiến mức thù lao năm 2022.

(Nội dung chi tiết Tờ trình được đính kèm Biên bản này);

1.8. Việc sửa đổi, bổ sung: Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty

Ông Lê Xuân Hùng – Thành viên HĐQT trình bày trước Đại hội về các căn cứ đề nghị sửa đổi, bổ sung: Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty để đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 1 năm 2022 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

(Nội dung chi tiết Tờ trình được đính kèm Biên bản này);

1.9. Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – thay mặt HĐQT trình bày trước Đại hội về các căn cứ đề nghị bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

(Nội dung chi tiết Tờ trình được đính kèm Biên bản này);

1.10. Đề nghị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Tổng Công ty năm 2022 và năm 2023

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – thay mặt HĐQT trình bày trước Đại hội Tờ trình đề nghị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Tổng Công ty năm 2022 và năm 2023.

(Nội dung chi tiết Tờ trình được đính kèm Biên bản này);

1.11. Báo cáo miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023

Bà Nguyễn Thị Thanh Nga – thay mặt HĐQT trình bày trước Đại hội Báo cáo đề nghị miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ 2018 – 2023 theo đề nghị của ông Tào Đức Thắng, do được đơn vị đề cử giao nhiệm vụ khác. Đại hội giao HĐQT thực hiện thông báo với các cổ đông có đủ điều kiện để thực hiện bầu bổ sung thành viên HĐQT.

(Nội dung chi tiết Tờ trình được đính kèm Biên bản này);

2. Thảo luận về các báo cáo và các nội dung được trình bày tại Đại hội.

Tại Đại hội, các cổ đông không có ý kiến bổ sung nào khác.

3. Trên cơ sở các nội dung đã được trình bày, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung của cuộc họp với số phiếu phát ra 10 phiếu, tương đương: 3.014.296.430 Cổ phiếu; số phiếu thu về: 10 phiếu, tương đương: 3.014.296.430 Cổ phiếu; Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, tương đương: 0 Cổ phiếu. Số phiếu không thực hiện bỏ phiếu là 0, tương đương 0 Cổ phiếu. Việc tính tỷ lệ cổ phiếu sẽ được căn cứ vào số phiếu phát ra, kết quả như sau:

3.1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động của Tổng Công ty năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 10 phiếu tương ứng 3.014.296.430 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Tổng Công ty.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 10 phiếu tương ứng 3.014.296.430 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.3. Thông qua Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm tài chính 2021 đã được kiểm toán và Báo cáo sử dụng vốn điều lệ tăng thêm sau các đợt tăng vốn.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 09 phiếu tương ứng 3.014.296.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 1 phiếu tương ứng 200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00001% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2021

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 09 phiếu tương ứng 3.014.296.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có

quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 1 phiếu tương ứng 200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00001% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm tài chính năm 2021 của Tổng Công ty và việc trích lập các quỹ của Tổng Công ty

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 09 phiếu tương ứng 3.014.296.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,,

Số phiếu Không tán thành là 01, tương ứng 200 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00001% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.6. Thông qua phương thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, soát xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên năm 2022 của Tổng Công ty (nếu có yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và/hoặc theo qui định pháp luật).

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 09 phiếu tương ứng 3.014.296.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,999% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 1 phiếu tương ứng 200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,00001% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.7. Thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Tổng Công ty năm 2021 và dự kiến mức thù lao năm 2022

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 10 phiếu tương ứng 3.014.296.430 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.8. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung: Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 10 phiếu tương ứng 3.014.296.430 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.9. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 10 phiếu tương ứng 3.014.296.430 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có

quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.10. Thông qua đề nghị chấp thuận Hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan của Tổng Công ty năm 2022 và năm 2023

Do cổ đông Tập đoàn – Công nghiệp viễn thông Quân (Tập đoàn Viettel) đội là bên có liên quan trong Tờ trình đề nghị giao dịch, vì vậy Tập đoàn Viettel không thực hiện biểu quyết đối với nội dung này. Số phiếu biểu quyết của các cổ đông còn lại được tính là 100% cổ phần biểu quyết.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 10 phiếu tương ứng 7.730 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

3.11. Báo cáo miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu biểu quyết tán thành là 10 phiếu tương ứng 3.014.296.430 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không tán thành là 0, chiếm tỷ lệ 0 % tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết,

Số phiếu Không có ý kiến là 0 phiếu tương ứng 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% tổng số cổ cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội tại thời điểm biểu quyết.

4. Nội dung khác phát sinh ngoài chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua: Không

5. Thông qua Biên Bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2022 của Tổng Công ty.

5.1. Bà Nguyễn Thị Hải Lý, Chủ tọa Đại hội, chỉ định ông Ông Đàm Minh Toàn – Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Các cổ đông dự họp (bao gồm cả đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp) có quyền biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ: 100%, tương ứng với 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp thông qua.

5.2. Bà Nguyễn Thị Hải Lý, Chủ tọa Đại hội, chỉ định ông Nguyễn Đạt trình bày Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2022.

Các cổ đông dự họp (bao gồm cả đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp) có quyền biểu quyết nhất trí thông qua với tỷ lệ: 100%, tương ứng với 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp thông qua.

6. Bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Biên Bản này đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2022 theo đúng pháp luật và Điều lệ hiện tại của Tổng Công ty.

Biên Bản có giá trị thi hành ngay sau khi kết thúc cuộc họp vào lúc 12 giờ 10 phút ngày 17/6/2022.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty và các tổ chức trực thuộc Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel chịu trách nhiệm thi hành.

THƯ KÝ



Đàm Minh Toàn



CHỦ TOẠ



Nguyễn Thị Hải Lý

Tài liệu lưu kèm:

- Biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Quy chế bầu bổ sung thành viên HĐQT;
- Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021 và định hướng hoạt động của Tổng Công ty năm 2022;
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh 2022 của Tổng Công ty.
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021 của Ban kiểm soát;
- Tờ trình đề nghị thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm tài chính 2021 và Báo cáo sử dụng vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm tài chính năm 2021 và việc trích lập các quỹ của Tổng Công ty;
- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng Công ty;
- Tờ trình về việc thông qua mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2021 và dự kiến mức thù lao năm 2022;
- Tờ trình đề nghị sửa đổi, bổ sung: Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty
- Tờ trình đề nghị bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty;
- Tờ trình thông qua chủ trương giao dịch với các bên có liên quan của Tổng Công ty;
- Báo cáo đề nghị miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Tổng Công ty.

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2022

**BÁO CÁO THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel;

Căn cứ Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20/5/2022 của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel v/v mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Sổ đăng ký cổ đông tại thời điểm chốt Danh sách cổ đông dự họp ngày 18/05/2022,

Thay mặt cho Ban Tổ chức, tôi xin công bố kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng Công ty tại thời điểm trước khi khai mạc Đại hội như sau:

1. Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty là: **3.043.811.200** (Ba tỷ, không trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm mười một nghìn, hai trăm) **cổ phần**, tương ứng với vốn điều lệ hiện tại là 30.438.112.000.000 (Ba mươi nghìn, bốn trăm ba mươi tám tỷ, một trăm mười hai triệu đồng đồng).
2. Tổng số cổ đông tham dự Đại hội là: **10 Cổ đông**. Tất cả các cổ đông tham dự đều đủ tư cách.
3. Tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết của Cổ đông, người đại diện của Cổ đông tham dự Đại hội là: **3.014.296.430 Cổ phần**.
4. Tỷ lệ số Cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty là: **99,03 %**.

Theo các quy định hiện hành, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần đủ điều kiện tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết, do đó, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel đã đủ điều kiện để tiến hành họp.

**TM. BAN THẨM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN**


Mai Mạnh Tuấn

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel.

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Đặc điểm, tình hình chung.

Dịch Covid 19 với biến chủng Delta đã khiến cho nhiều quốc gia tiếp tục duy trì các biện pháp hạn chế đi lại, giãn cách ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, GDP toàn cầu 2021 đã hồi phục sau năm 2020 tăng trưởng âm (-3,3%) và đạt mức kỷ lục 5,9% (theo báo cáo của IMF). GDP tăng trưởng tập trung chủ yếu ở các quốc gia phát triển, làm chủ công nghệ vắc xin và kiểm soát dịch, các quốc gia đang phát triển có độ trễ hơn về phục hồi kinh tế.

Viễn thông là ngành dịch vụ thiết yếu nhờ vậy vẫn giữ được sự tăng trưởng trong bối cảnh nhiều những thách thức chung của thế giới trong năm 2021 và các ngành khác giảm hoặc không tăng trưởng. Bên cạnh đó, những thay đổi hành vi, hoạt động hàng ngày từ kênh truyền thống sang trực tuyến (làm việc, giải trí, y tế, giáo dục từ xa ...) tạo động lực thúc đẩy chuyển đổi số của các nhà mạng, mở ra các cơ hội kinh doanh mới ngoài dịch vụ viễn thông truyền thống.

2. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty đã triển khai các hoạt động theo chức trách quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và ủy quyền của Đại hội Đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”). Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ ủy quyền/giao như sau:

- Hoàn thành sáp nhập Công ty TNHH Viettel Overseas vào Tổng Công ty.
- Hoàn thành các thủ tục, sẵn sàng IPO đối với Công ty Viettel Tanzania (Hoàn thành bản cáo bạch IPO được ủy bản chứng khoán Dar es Salaam phê duyệt. Thực hiện các thủ tục nội bộ liên quan tới việc IPO và thuê tư vấn định giá Công ty Viettel Tanzania tại Việt Nam).

- Đối với nội dung bảo lãnh cho Công ty Mytel tại Myanmar vay vốn tại Ngân hàng TP Bank (đây là nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng văn bản ngày 05/10/2020, tuy nhiên Tổng Công ty không thực hiện được việc bảo lãnh này do chính biến tại Myanmar vào đầu năm 2021, HĐQT xin được hủy bỏ thực hiện nội dung này).

3. Tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2021

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, 01 lần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, 11 cuộc họp HĐQT, 29 lần tổ chức phiếu lấy ý kiến và ban hành 46 Nghị quyết tương ứng, các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều tuân thủ đúng thủ tục, thẩm quyền theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quyết định quan trọng đã được HĐQT thông qua: Phê duyệt ngân sách đầu tư trong năm của Tổng Công ty; Phê duyệt mục tiêu tài chính dài hạn của các Công ty thị trường; Phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan; Phê duyệt mô hình tổ chức; Phê duyệt thay đổi nhân sự cấp cao của Tổng Công ty và các Công ty thị trường...

Tại các cuộc họp, HĐQT đã định hướng chiến lược và đưa ra các kế hoạch thực hiện trung và dài hạn như sau:

3.1. Định hướng chiến lược và các kế hoạch trung hạn

Về chiến lược, chính sách:

- Trước các diễn biến thay đổi tại các thị trường Tổng Công ty đầu tư và nhằm các mục tiêu quản trị hiệu quả vốn đầu tư, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng, điều chỉnh các mục tiêu chiến lược 5 năm cho từng thị trường và tìm kiếm bổ sung các giải pháp, cơ hội mới phù hợp với giai đoạn phát triển 2021-2025. Trong đó các mục tiêu đề xuất điều chỉnh cao hơn so mới mục tiêu cũ, cụ thể 6/8 Công ty thị trường điều chỉnh mục tiêu cao hơn; 2/8 Công ty thị trường duy trì tương đương với mục tiêu cũ. Các chiến lược 5 năm này là cơ sở để điều hành các Công ty tại các thị trường trong giai đoạn tới.
- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành xây dựng chiến lược chuyển đổi số trung hạn giai đoạn 2021-2023 cho Viettel Global và các Công ty thị trường theo định hướng chung của Tập đoàn. Đẩy nhanh chuyển đổi số đơn vị, số hóa các quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận, mục tiêu chuyển đổi doanh nghiệp viễn thông truyền thống thành doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giải pháp số toàn diện tại các thị trường kinh doanh.
- HĐQT chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển dịch vụ Ví điện tử giai đoạn 2021-2025. Hỗ trợ các thị trường đồng nhất về

quan điểm, mục tiêu, cách thức tiếp cận mô hình kinh doanh sản phẩm, dịch vụ.

Về chuyển dịch:

- Chuyển dịch Data: Tiếp tục chuyển dịch tốt về thuê bao data, 4G tại các thị trường tại Châu Phi và Haiti với sản phẩm dịch vụ phù hợp; trải nghiệm khách hàng phong phú; triển khai cách làm khác biệt so với đối thủ.
- Chuyển dịch số hóa: xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trên 1 nền tảng Super app, đẩy mạnh thanh toán điện tử, các dịch vụ nội dung số...

Về đầu tư, công nghệ và vận hành khai thác:

- Tập trung nguồn lực đầu tư, củng cố nâng cao chất lượng mạng cho công nghệ 4G, nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng, tăng vùng phủ đáp ứng được nhu cầu chuyển dịch Data tại các thị trường. Đưa công nghệ 4G thành công nghệ chính của di động tại các thị trường. Đối với công nghệ 3G không đầu tư thêm, đánh giá tắt trạm 3G tại các khu vực có hiệu suất sử dụng 3G thấp.

3.2. Công tác chỉ đạo giám sát của HĐQT

Trong năm 2021, HĐQT trực tiếp định hướng, chỉ đạo Ban điều hành bằng 46 Nghị quyết và giao cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các hoạt động bao gồm giám sát, kiểm soát đầu tư theo các mục tiêu tài chính đã được thông qua, sắp xếp lại và xây dựng chức năng quản lý của Tổng Công ty để hoạt động đạt hiệu quả cao nhất, đảm bảo mọi hoạt động của Tổng Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, nổi bật là một số chỉ đạo sau:

- Về định biên nhân sự: ngày 08/10/2021, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 42/NQ-HĐQT-VTG phê duyệt định biên nhân sự của Tổng Công ty. Theo đó, tổ chức bộ máy quản trị tại Công ty mẹ Viettel Global theo mô hình chức năng (Functional Leader) tinh gọn, chuyên nghiệp, có trình độ, chất lượng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý toàn diện hoạt động đầu tư, kinh doanh tại các thị trường nước ngoài (G-S-M).
- Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: trên cơ sở đánh giá, lựa chọn theo nguyên tắc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngày 09/08/2021 Tổng Công ty đã lựa chọn Công ty Kiểm toán Deloitte là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
- Đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội Đồng Quản trị, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng Công ty

phù hợp với các quy định pháp luật mới có hiệu lực và tình hình thực tế.

- Trong năm 2021, Tổng Công ty đã thực hiện chi trả lương, thưởng, lợi ích khác của Tổng Giám đốc và từng cá nhân người quản lý khác (bao gồm các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng) đúng theo quy định với số tiền là: **11.875.159.026 đồng**.
- Các giao dịch với bên có liên quan của Tổng Công ty hoặc giữa Tổng Công ty với người có liên quan của người nội bộ (*Theo phụ lục 01 đính kèm*).
- Danh sách về người có liên quan của Tổng Công ty (*Theo phụ lục 02 đính kèm*).

3.3. Về hoạt động của HĐQT và nâng cao năng lực quản trị công ty

HĐQT phân công công tác của các thành viên trên cơ sở phát huy năng lực và kinh nghiệm của mỗi thành viên, phù hợp quy định pháp luật. Thành viên HĐQT đã nỗ lực triển khai và hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo quy định và kế hoạch được ĐHĐCĐ giao; phối hợp tốt với BKS và BDH trong công tác quản trị điều hành giám sát cấp cao để nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty và các công ty thành viên.

Bên cạnh đó, HĐQT trao đổi thường xuyên với BKS và Ban điều hành để nắm bắt và hỗ trợ kịp thời Ban điều hành giải quyết các vướng mắc đáp ứng hoạt động kinh doanh thường xuyên và liên tục tại Tổng Công Ty và các Công ty thành viên.

3.4. Cổ đông và Cổ phiếu

Năm 2021 giá trị cổ phiếu tiếp tục thiết lập đỉnh mới ở giá 48.000 VNĐ/1cp, tăng 9% so với năm 2020 (44.000 VNĐ). Chốt phiên giao dịch ngày 31/12/2021 giá trị cổ phiếu giảm xuống còn 32.700 VNĐ, vốn hóa thị trường của cổ phiếu VGI dao động ở mức 99.600 tỷ VNĐ.

3.5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị

- Văn phòng HĐQT hoạt động tích cực, đảm bảo chức năng nhiệm vụ, giúp việc cho HĐQT hiệu quả. Đảm bảo việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác giúp việc công bố thông tin, các nghị quyết, báo cáo quản trị công ty theo đúng thời hạn quy định.
- Năm 2021, văn phòng HĐQT phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thành công ĐHĐCĐ vào tháng 6/2021.

3.6. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2021

Thù lao HĐQT được thực hiện đúng mức, tính trên số ngày công thực hiện và đã được ĐHĐCĐ thông qua. Thù lao cho các thành viên HĐQT chi trả 12 tháng của năm 2021 là: **1.156.320.000 VNĐ**.

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành

4.1. Đánh giá thực hiện các mục tiêu SXKD năm 2021

Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các phương án, kịch bản kinh doanh bám sát theo thực tế biến động của thị trường. Tổng Công ty tiếp tục giữ được mức tăng trưởng ổn định và hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch mà ĐHĐCĐ giao.

Các chỉ tiêu chính:

- **Tổng Doanh thu hợp nhất:** đạt 22.618 tỷ đồng
- **Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất:** đạt 880 tỷ đồng
- **Tổng thuê bao:** tăng thêm 1,89 triệu Thuê bao.

Trong đó, Tổng doanh thu trên báo cáo hợp nhất đạt 22.618 tỷ đồng, tăng trưởng 9,5% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 880 tỷ đồng, duy trì mục tiêu lợi nhuận hợp nhất dương 3 năm liên tiếp.

Kết quả nổi bật theo các lĩnh vực:

- **Lĩnh vực Viễn thông truyền thống:** Có mức tăng trưởng doanh thu dịch vụ ổn định đạt 15,4% cao gấp 3 lần mức tăng trưởng bình quân của viễn thông thế giới (5%). Tỷ trọng Doanh thu dịch vụ chiếm 93% đóng vai trò mang lại nguồn doanh thu, lợi nhuận chính của Tổng Công ty. Trong đó:
 - Tăng trưởng chủ yếu đóng góp từ các thị trường còn dư địa phát triển viễn thông tại thị trường Haiti và khu vực Châu Phi: Natcom có mức tăng trưởng Doanh thu dịch vụ đạt trên 02 con số trong 05 năm liên tiếp gần đây, năm 2021 đánh dấu mức tăng trưởng thị phần thuê bao đạt 5% và thu hẹp thị phần thuê bao với nhà cung cấp viễn thông Digicel từ 22% xuống 17%, với đà tăng trưởng này Natcom sẽ sớm đứng đầu về thị phần thuê bao tại Haiti. Các thị trường Châu phi tuy có nhiều khó khăn nhưng có mức tăng trưởng rất mạnh mẽ, ghi nhận tăng trưởng doanh thu dịch vụ từ 26%-35%, Lumitel: 26%; Halotel: 31%; Movitel: 32%.
 - Năm 2021, ghi nhận Công ty Mytel có mức tăng trưởng thuê bao rất lớn, đứng đầu về thị phần thuê bao tại thị trường Myanmar. Đây là năm đầu tiên Viettel Global có 5/9 thị trường đứng đầu về thị phần

thuê bao tại các thị trường kinh doanh: Myanmar, Campuchia, Lào, Timor, Burundi.

- **Lĩnh vực ngoài viễn thông truyền thống:** Năm 2021, ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu dịch vụ rất ấn tượng đạt 17%, cao nhất trong 3 năm gần đây (*Tăng trưởng các năm: 2019: 1%; 2020: 12%*). Trong đó:
 - Đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng từ dịch vụ Tài chính điện tử tăng trưởng 59% (cao gấp 4 lần mức tăng trưởng bình quân của thế giới 13%). Với 3/8 thị trường (Unitel, Telemor, Lumitel) đang dẫn đầu về thị phần Tài chính điện tử và 3/8 thị trường (Metfone, Mytel, Movitel) đứng top 2 về thị phần Tài chính điện tử.
 - Khối khách hàng doanh nghiệp cũng có mức tăng trưởng cao đạt 12,5% (so với mức tăng trưởng trung bình của thế giới 9%). Metfone là điểm sáng trong các thị trường với mức tăng trưởng doanh thu đạt 31,5% so với năm 2020.
- Ngoài các kết quả kinh doanh ấn tượng của các thị trường nêu trên, các Công ty thị trường đã tham gia và được vinh danh ở các giải thưởng quốc tế uy tín, nhiều nhất từ trước tới nay. Cụ thể:

Giải thưởng Kinh doanh Quốc tế - Stevie Awards.

- MYTEL Giải Bạc hạng mục “Công ty của năm” và Giải Vàng hạng mục “Chiến dịch marketing trên di động của năm”.
- NATCOM và HALOTEL lần lượt đạt Giải Vàng và Giải Bạc hạng mục “Sản phẩm viễn thông tốt nhất”.
- UNITEL Giải Đồng hạng mục “Công ty công nghệ sáng tạo của năm” cho doanh nghiệp có quy mô lớn.
- TELEMOR Giải Bạc hạng mục “Trải nghiệm thương hiệu với khách hàng của năm”.

Giải thưởng Doanh nghiệp Quốc tế tốt nhất – Globee Awards.

- METFONE Giải Vàng các hạng mục “Ứng dụng giải trí hay nhất của năm”, “Giải pháp CNTT dành cho Doanh nghiệp/Tổ chức tốt nhất của năm” và “Sản phẩm giáo dục và đào tạo hay nhất của năm”.
- MYTEL Giải Vàng hạng mục “Chiến dịch marketing trên di động của năm” và Giải Đồng hạng mục “Doanh nghiệp trách nhiệm của năm”.

Giải thưởng Truyền thông Xuất sắc – Globee Awards.

- METFONE Giải Vàng hạng mục “Giải pháp thanh toán”.

Giải thưởng Consumer Choice Awards Africa.

- HALOTEL đạt giải "Dịch vụ viễn thông thân thiện với người tiêu dùng với giá cả phải chăng"

4.2. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ HĐQT giao

HĐQT đánh giá cao sự chủ động, ứng biến linh hoạt của Ban Điều hành trong việc tổ chức, điều hành triển khai các phương án kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ giúp Tổng Công ty và Thị trường đi đúng hướng chiến lược đề ra:

- Thực thi chiến lược, kế hoạch kinh doanh bám sát theo chiến lược của ĐHĐCĐ và HĐQT Tổng Công ty đã đề ra.
- Thực thi và giám sát tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT.
- Thực hiện bám nắm xu thế chuyển dịch, nghiên cứu cập nhập thông tin ngành và ra quyết định dựa trên nghiên cứu thị trường.
- Thực hiện các báo cáo, tuân thủ và quản trị rủi ro các cấp trong Tổng Công ty.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Dự báo đặc điểm tình hình chung

Trong năm 2022, theo dự báo của IMF tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu ở mức 4,9%, và GDP đã hồi phục về mức trước đại dịch. Tốc độ phục hồi nền kinh tế toàn cầu diễn ra nhanh chóng nhờ vào việc triển khai vắc xin trên diện rộng, các quốc gia mở cửa lại và các hoạt động kinh tế, xã hội dần quay trở lại trạng thái bình thường.

Tuy nhiên, bất ổn về xung đột tại khu vực Châu Âu tuy chưa có những dự báo cụ thể nhưng đã gây ra những ảnh hưởng tới nguồn cung cấp nguyên liệu, giá năng lượng, hàng hóa tăng và gián đoạn các chuỗi cung ứng. Bất ổn kéo dài có thể ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp cũng như tăng trưởng kinh tế.

Về mặt công nghệ: Năm 2022 tiếp tục bùng nổ công nghệ 5G tại các quốc gia phát triển khi công nghệ này tiếp tục được mở rộng thương mại hoá. Các dịch vụ khai thác trên nền tảng 5G (cần kết nối nhanh, sử dụng dữ liệu lớn) như IoT, thực tế tăng cường (AR), thực tế ảo (VR), AI, vũ trụ ảo Metaverse... tiếp tục được tập trung phát triển để gia tăng nhu cầu và trải nghiệm của khách hàng đối với mạng 5G. Trong đó, Metaverse được kỳ vọng là một trong những động lực mới cho sự bùng nổ nền kinh tế số. Đối

với các quốc gia đang phát triển, độ trễ của ứng dụng công nghệ khoảng 2, 3 năm so với các quốc gia phát triển.

Nắm bắt xu hướng công nghệ, năm 2022 ngoài việc mở rộng quy mô và chuyên nghiệp hoá các dịch vụ ngoài Viễn thông truyền thống như Tài chính điện tử, Giải pháp cho Khách hàng doanh nghiệp, Dịch vụ số cho Khách hàng các nhân... Viettel Global tiếp tục bám sát quy hoạch tần số và lộ trình triển khai 5G của một số thị trường tiềm năng, đồng thời song song nghiên cứu các dịch vụ nhằm đảm bảo sẵn sàng cho thương mại hóa 5G để luôn đi đầu và dẫn dắt công nghệ tại các thị trường.

2. Định hướng hoạt động của Tổng Công ty

Với những thành tựu đạt được trong năm 2021 và các dự báo về tình hình kinh tế, chính trị, xu hướng phát triển ngành viễn thông và công nghệ năm 2022. HĐQT đưa ra kế hoạch kinh doanh năm 2022 như sau:

2.1. Các chỉ tiêu chính

Tổng doanh thu hợp nhất và Lợi nhuận trước thuế hợp nhất duy trì mức tăng trưởng tốt hơn năm trước. Đối với thuê bao tập trung vào đánh giá chất lượng thuê bao viễn thông và tập thuê bao các dịch vụ số ngoài viễn thông truyền thống như super app, ví điện tử...:

- **Tổng doanh thu:** đạt 23.000 tỷ VNĐ.
- **Lợi nhuận trước thuế:** duy trì đạt dương đến tương đương năm 2021.
- **Thuê bao viễn thông:** tăng trưởng 2,5 triệu Thuê bao.
- **Thuê bao số:** tăng trưởng 6 triệu Thuê bao.

2.2. Định hướng chiến lược theo các lĩnh vực

Về chính sách:

- Thực hiện chính sách, đảm bảo tuân thủ quy định, các cam kết tại nước tiếp nhận đầu tư ở mức cao nhất để thuyết phục cơ quan quản lý tại nước tiếp nhận đầu tư, thu hút sự quan tâm của Chính phủ đối với ngành viễn thông và dịch vụ số.
- Sẵn sàng hợp tác cùng Chính phủ, cơ quan nhà nước tại các quốc gia đầu tư trong xây dựng quy định quản lý cho dịch vụ Viễn thông cũng như các dịch vụ số để thúc đẩy tăng trưởng quốc gia nói chung và doanh nghiệp nói riêng.
- Tăng tính linh hoạt trong việc điều chỉnh, thay đổi mô hình kinh doanh để thu hút nguồn lực của đối tác bên ngoài, đặc biệt đối với các Công ty kinh doanh dịch vụ số, ví điện tử.

Về chiến lược kinh doanh:

- Thúc đẩy chiến lược kinh doanh tập trung vào 2 nhóm dịch vụ chính là Viễn thông truyền thống và Ngoài viễn thông truyền thống trong đó:
 - **Viễn thông truyền thống:** Đóng vai trò chủ đạo tối đa hoá lợi nhuận, ưu tiên đầu tư vào chuyển đổi công nghệ.
 - **Dịch vụ ngoài Viễn thông truyền thống (như CNTT, Tài chính điện tử, nội dung số ...):** là nguồn động lực mới cho tăng trưởng doanh thu.
- Duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức 2 con số trong đó tăng trưởng của nhóm Viễn thông truyền thống ở mức >10% (cao gấp 2 - 3 lần mức tăng trưởng trung bình của viễn thông trên thế giới) và nhóm dịch vụ ngoài Viễn thông truyền thống ở mức 20% - 30% (tương đương mức tăng trưởng trung bình của dịch vụ số trên thế giới).
- Đối với các thị trường đã đứng đầu về viễn thông và thị trường viễn thông đã dần bão hoà, ưu tiên tập trung mở rộng các dịch vụ số ngoài viễn thông để mở rộng thị trường tạo ra các nguồn doanh thu, tăng trưởng mới. Mục tiêu nhóm dịch vụ ngoài Viễn thông truyền thống tối thiểu nằm trong Top 3, riêng với những dịch vụ có năng lực và cơ hội lớn như Tài chính điện tử có thể trở thành đơn vị đứng đầu tại thị trường.

Về tài chính:

- Viettel Global hướng đến một công ty holding chuyên nghiệp thông qua việc phối hợp với các đơn vị tư vấn uy tín thế giới trong lĩnh vực tư vấn quản lý đầu tư, quản lý nguồn vốn chuyên nghiệp hiệu quả. Ưu tiên tái cơ cấu lại nguồn vốn tại các công ty chưa hoàn vốn, xây dựng các giải pháp đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các công ty đã hoàn vốn. Mục tiêu xuyên suốt duy trì tối đa việc bảo toàn và phát triển vốn của Viettel Global.

Thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực kế toán quốc tế phù hợp với một Công ty đầu tư toàn cầu, kinh doanh đa lĩnh vực để đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn đầu tư.

Về kỹ thuật, công nghệ:

- Đối với nhóm các thị trường đã đứng đầu và có tiềm năng phát triển kinh tế số:
 - Dẫn đầu về hạ tầng số (Di động, Cố định băng rộng, Datacenter).
 - Từng bước thử nghiệm, chuyển đổi sang công nghệ mới (5G) để bắt kịp xu thế.

- Tối ưu tài nguyên, chi phí, tắt các công nghệ cũ có nhu cầu sử dụng thấp (3G).
- Đối với nhóm các thị trường tại khu vực Châu Phi và Haiti:
 - Đẩy mạnh triển khai công nghệ 4G.
 - Phát triển mạnh các nền tảng phục vụ các dịch vụ trên nền data.
- Thông minh hoá, tự động hoá mạng lưới và hệ thống vận hành, kinh doanh của doanh nghiệp.

Về nhân sự và đào tạo:

- Định hướng các Công ty thị trường là thương hiệu tuyển dụng hàng đầu tại nước sở tại, đa dạng hoá trong các công tác tuyển dụng.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự nòng cốt có chất lượng chuyên môn cao và gắn bó lâu dài với Công ty thông qua các hoạt động đào tạo trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu, triển khai cơ chế đãi ngộ cạnh tranh tại các thị trường.

Về Pháp chế và quản trị rủi ro:

- Pháp lý hoá các hoạt động quản trị, chuyên nghiệp hoá ngành pháp chế, đồng bộ hoá toàn bộ các quy trình, quy định đảm bảo bộ máy hoạt động chuyên nghiệp, bài bản trên tinh thần thượng tôn pháp luật.
- Thuê tư vấn để nghiên cứu các chính sách ngành Viễn thông, Tài chính điện tử, CNTT và các ngành dịch vụ số mới đã được xác định trong chiến lược phát triển của công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, kính báo cáo Đại hội xem xét thông qua./.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VPHĐQT. Năm 10.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

PHỤ LỤC 01
GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY HOẶC GIỮA
CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Viettel Cambodia (Pte) Ltd	Công ty con	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompen, Campuchia	Tháng 4/2021	13/NQ-HĐQT-VTG ngày 08/04/2021	Bán thiết bị với giá trị 715.000 USD	
2	Công ty Viettel Cambodia (Pte) Ltd	Công ty con	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompen, Campuchia	Tháng 6/2021	20/NQ-HĐQT-VTG ngày 31/05/2021	Bán thiết bị với giá trị 15.236.692,44 USD	
3	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người có liên quan	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	Tháng 6/2021	20/NQ-HĐQT-VTG ngày 31/05/2021	Mua cáp quang và anten với giá trị 36.899.148.400VN D (đã bao gồm VAT)	
4	Công ty Star Telecom Co., Ltd.	Công ty liên kết	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 6 và tháng 07/2021	26/NQ-HĐQT-VTG ngày 30/06/2021	Bán thiết bị với giá trị 5.737.300,00 USD	
5	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người có liên quan	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	Tháng 07/2021	26/NQ-HĐQT-VTG ngày 30/06/2021	Mua anten với giá trị 386.008,00 USD	

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6	Công ty Viettel Cambodia (Pte) Ltd	Công ty con	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompen, Campuchia	Tháng 6 và tháng 07/2021	26/NQ-HĐQT-VTG ngày 30/06/2021	Bán thiết bị với giá trị 1.547.408,66USD	
7	Công ty TNHH NN MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel	Người có liên quan	0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01 Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Thực hiện trong Quý III, IV năm 2021 và tháng 1/2022	41/NQ-HĐQT-VTG ngày 17/09/2021	Mua dịch vụ vận chuyển với giá trị 9.918.986.200 VNĐ	
8	Công ty Viettel Cambodia (Pte) Ltd	Công ty con	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompen, CampuchiaA	Tháng 12/2021	49/NQ-HĐQT-VTG ngày 30/11/2021	Bán thiết bị với giá trị 16.354.779,83USD	
9	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người có liên quan	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	Tháng 12/2021	49/NQ-HĐQT-VTG ngày 30/11/2021	Mua cáp quang và anten với giá trị 28.055.511.812 VNĐ	
10	Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người có liên quan	0100109106-478 Sở KHĐT Hà Nội cấp	số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội	Năm 2021	52/NQ-HĐQT-VTG ngày 24/12/2021	Mua dịch vụ phục vụ công tác hỗ trợ thị trường	

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
11	Tổng Công ty Mạng lưới Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người có liên quan	0100109106-012 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Lô B1C, Cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, T.P Hà Nội, Việt Nam	Năm 2021	52/NQ-HĐQT-VTG ngày 24/12/2021	Mua dịch vụ phục vụ công tác hỗ trợ thị trường	
12	Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người có liên quan	0100109106-476 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Số 1 - Đường Trần Hữu Dục, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Năm 2021	52/NQ-HĐQT-VTG ngày 24/12/2021	Mua dịch vụ phục vụ công tác hỗ trợ thị trường	
13	Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người có liên quan	0100109106-011 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, TP. Hà Nội, Việt Nam	Năm 2021	52/NQ-HĐQT-VTG ngày 24/12/2021	Mua dịch vụ phục vụ công tác hỗ trợ thị trường	
14	Công ty An ninh mạng Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	Người có liên quan	0100109106-475 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Năm 2021	52/NQ-HĐQT-VTG ngày 24/12/2021	Mua dịch vụ phục vụ công tác hỗ trợ thị trường	
15	Công ty Star Telecom Co., Ltd.	Công ty liên kết	Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	Tháng 12/2021 và dự kiến tháng 1/2022	53/NQ-HĐQT-VTG ngày 24/12/2021	Bán thiết bị với giá trị 5.828.000 USD	

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
16	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Người có liên quan	0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	Tháng 12/2021 và dự kiến tháng 1/2022	53/NQ-HĐQT-VTG ngày 24/12/2021	Mua thiết bị anten với giá trị 2.402.400.000Đ	

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
1.	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội			0100109106 do Sở KHĐT Hà Nội, cấp đăng ký lần đầu 13/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 05/12/2019	Lô D26 KĐT M Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam				Công ty Mẹ
2.	Tào Đức Thắng		Chủ tịch HĐQT		P 308, ĐN1, khu đô thị Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	15/06/2018			Người nội bộ
3.	Nguyễn Thị Hải Lý		Phó Chủ tịch HĐQT		P1010, Tòa Nhà 25T2, Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	12/09/2018			Người nội bộ
4.	Nguyễn Thanh Nam		Thành viên HĐQT		Số 25 Triệu Việt Vương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	15/06/2018	25/06/2021		Người nội bộ
5.	Đỗ Mạnh Hùng		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		P503, H10, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	12/09/2018	25/06/2021		Người nội bộ
6.	Đào Thúy Hương		Thành viên HĐQT		Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	15/06/2018	25/06/2021		Người nội bộ
7.	Phan Trường Sơn		Thành viên HĐQT		Lô 09, số 25 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa, Q.	28/06/2019			Người nội bộ



T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
					Cầu Giấy, Hà Nội				
8.	Vũ Thị Mai		Thành viên HĐQT		BT8-06 khu đô thị An Hưng, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	28/06/2019	25/06/2021		Người nội bộ
9.	Ông Nguyễn Đức Quang		Thành viên HĐQT		91/84 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	25/06/2021			Người nội bộ
10.	Ông Nguyễn Đạt		Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		Tổ Chính Trung, TT. Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	25/06/2021			Người nội bộ
11.	Ông Lê Xuân Hùng		Thành viên HĐQT		Phương Liễn – Quế Võ – Bắc Ninh	25/06/2021			Người nội bộ
12.	Bà Nguyễn Thị Thanh Nga		Thành viên HĐQT		35 ngõ 97 Khương Trung, phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội	25/06/2021			Người nội bộ
13.	Lê Quang Tiệp		Trưởng BKS		2502 HH01A, KĐT M Dương Nội, La Khê, Hà Đông, Hà Nội	15/06/2018			Người nội bộ
14.	Quản Thị Thu Hà		Thành viên BKS			15/06/2018			Người nội bộ
15.	Nguyễn Hoài Bắc		Thành viên BKS		Số 5 hẻm 6/30/18 Đội Nhân, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	29/05/2020			Người nội bộ

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
16.	Nguyễn Cao Lợi		Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng		Số 2201, Tòa nhà 27 tầng, 165 Thái hà, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	16/07/2018			Người nội bộ
17.	Nguyễn Thị Hoa		Phó Tổng Giám đốc		6B1 Tập thể Bộ Công an, Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	08/11/2018			Người nội bộ
18.	Hà Thế Dương		Phó Tổng Giám đốc		Liên Bảo, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	04/07/2019			Người nội bộ
19.	Công ty Viettel Timor Leste, LDA			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 556/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 04/06/2011	CBD Plaza II Rua Presidente, Nicolau Lobato, Côm, Đông Timor	2012			Công ty con
20.	Công ty TNHH Viettel Cambodia			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 730/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội	Số 42 đường 242 phường Chaktumuk, quận Daun Penh, Phnompenh, Campuchia	2009			Công ty con

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
21.	Công ty TNHH Movitel			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 404/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 11/11/2010	Bairro da Sommerchield, số 6 đường Dr. Francisco Barreto, thành phố Maputo, Mozambique	2010			Công ty con
22.	Công ty Viettel Cameroon			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 585/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 18/01/2013	Thủ đô Yaounde, Cameroon	2013			Công ty con
23.	Công ty Viettel Burundi			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 690/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 26/03/2014	Số 24, Avenue de L/Oua, Quartier Industriel, Ngagara, Bujimbura- Marie, Cộng hòa Bu-run- di	2014			Công ty con
24.	Công ty Viettel Tanzania			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 689/BKHĐT- ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày	Plot No. 145, Regent Estate, Migombani street, Mikocheni, Post box 110230, Dar es Salaam, Cộng hòa Thống nhất Tan-da-ni-a	2014			Công ty con

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
				24/03/2014					
25.	Công ty TNHH Viễn thông Star Telecom			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 103/BKH-ĐTRNN do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 27/02/2008	Đường Nongbone, phường Phonesay, quận Saysettha, thành phố Vientiane, CHDCND Lào	2008			Người có liên quan theo điểm b, khoản 46, Luật chứng khoán
26.	Công ty TNHH Myanmar National Tele&Communications			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600255 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp Hà Nội cấp ngày 16/12/2016	Phố The Corner of Pantra và đường U Wizara, thị trấn Dagon, Yangon, Myanmar	2016			Người có liên quan theo điểm b, khoản 46, Luật chứng khoán
27.	Công ty National Telecom S.A			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 377/BKH- ĐTRNN/ĐC1 ngày 11/05/2015	Phố Corner of Fernand and Ave Martin Luther King (Pont Morin), Port Au Prince, Haiti	2010			Công ty con
28.	Công ty TNHH MTV Đầu tư Công nghệ Viettel			2801045888 do Sở KHĐT Thanh Hóa cấp	Nam Đại lộ Lê Lợi, P. Đông Hương, Tp Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá	11/05/2009			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
29.	Công ty TNHH MTV Thông tin M1			0500141369 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	Thôn An Bình, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội	2010			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
30.	Công ty TNHH MTV Thông tin M3			0500239036 Sở KHĐT Hà Nội cấp	Mỹ Chung, Phường Xuân Khanh, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội	2010			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
31.	Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel			0104831030 KHĐT Hà Nội cấp	Số 01, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	2006			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
32.	Công ty Viettel America			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 620 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	1551 MCCARTHY BLVD STE 210, Milpitas, CA, 95035, U.S	2013			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
33.	Công ty VTE Technologies SARL			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201500006 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	13 phố TAITBOUT 75009 PARIS, Pháp	2015			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
34.	Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel			0104093672 do KHĐT Hà Nội cấp	Số 1, phố Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2009			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
35.	Công ty TNHH MTV Logistics Viettel			0310783329 do Sở KHĐT Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/04/2011	306 Lý Thường Kiệt, P.6, Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh	18/04/2011			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
36.	Công ty TNHH MTV Thương mại điện tử Bưu chính Viettel			0105269946 Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/04/2011	Tòa nhà N2, Km số 2, Đại lộ Thăng Long, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội	20/04/2011			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
37.	Công ty TNHH MTV Công nghệ Bưu chính Viettel			0105299429 Sở KHĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/05/2011	Số 1 Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Tp Hà Nội	09/05/2011			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
38.	Công ty TNHH MTV Mygo Myanmar			109684023 do Cục đầu tư và đăng ký doanh nghiệp Myanmar cấp lần đầu ngày 04/04/2017	Tầng 5, số 100-104 đường 48, Botahtaung Yangon, Myanmar	04/04/2017			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán



T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
39.	Công ty TNHH MTV Mygo Cambodia			00010833 do Bộ Công thương Cambodia cấp 15/07/2010	No 38, Charak Thmey, Sangkat Veal Vong, Khan 7 Makara, Phnompenh, Cambodia	15/07/2010			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
40.	Tổng Công ty CP Công trình Viettel			0104753865 do KHĐT Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	2010			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
41.	VIETTEL CONSTRUCTION LAO CO., LTD			Số: 357/ĐKDN Ngày cấp: 28/05/2015 Nơi cấp: Vụ đăng ký và quản lý doanh nghiệp, Bộ Công thương Lào	Phanpapau, Sisattanak, Viêng Chăn, Lào	2015			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
42.	VIETTEL CONSTRUCTION CAMBODIA CO., LTD			Số 3723 MOC/D/REG Ngày cấp: 01/04/2015 Nơi cấp: Bộ Thương mại Cambodia	Số nhà 22D, đường ChrokThmay, phường VeangVong, Quận 7 Makara, thủ đô Phnôm – Pênh, Campuchia	2015			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
43.	VIETTEL CONSTRUCTION MOZAMBIQUE, LDA			Số 100498650 Ngày cấp: 06/4/2014 Nơi cấp: Cục đăng ký và công chứng quốc gia Viện đăng ký pháp	Số 525, quận Alto Mae, đại lộ Guerra Popular, huyện 1, thủ đô Maputo, Mozambique	2014			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
				nhân Bộ tư pháp Mozambique					
44.	VIETTEL CONSTRUCTION PERU S.A.C			Số: 12765031 Ngày cấp: 29/09/2015 Nơi cấp: Sunarp (Superintendencia Nacional de los Registros Públicos)	Av.Mcal.Oscar R.Benavides No 2788 Bellavista, Callao, Peru	2015			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
45.	VIETTEL CONSTRUCTION MYANMAR CO.,LTD			Số 248 FC/2015-2016 Ngày cấp: 26/06/2015 Nơi cấp: Bộ Kế hoạch và Phát triển Kinh tế Quốc gia Myanmar	Số (39), đường Inya Myaing, phường Golden Valley (1), quận Bahan, Yangon Myanmar	2015			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
46.	Công ty CP Tư vấn thiết kế Viettel			0100109106-075 do Sở KHĐT Hà Nội cấp	Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội	2010			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
47.	Công ty CP Xi măng Cầm Phả			5700804196 do Sở KHĐT tỉnh Quảng Ninh cấp	Km 6, Quốc lộ 18A , Phường Cẩm Thạch, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh	2013			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
48.	Công ty CP Giao thông số Việt Nam			0109266456 do Sở KHĐT thành phố Hà	Số 01 đường Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2,	2020			Người có liên quan theo điểm

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
				Nội cấp	Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội				c, khoản 46, Luật chứng khoán
49.	Công ty TNHH Viettel - CHT			0500589150 do Sở KHĐT thành phố Hà Nội cấp	Khu TT, Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Km29, Đại lộ Thăng Long, Xã Thạch Hoà, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội	2008			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
50.	Công ty Viettel Peru			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 433 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	Thành phố Lima, tỉnh Lima, Cộng Hòa Peru	2014			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán
51.	Công ty Viettel Russia			Giấy Chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201700343 do Bộ KHĐT Việt Nam cấp	Phòng 11-13, Khu I, tầng 2, CTR B, Nhà 11 Masha Poryvayeva, Moscow, Liên Bang Nga, 107996	2017			Người có liên quan theo điểm c, khoản 46, Luật chứng khoán

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Đặc điểm tình hình:

Năm 2021, trong bối cảnh dịch Covid-19 toàn cầu vẫn diễn biến phức tạp, bất ổn chính trị, thiên tai, biến động tỷ giá và khan hiếm ngoại tệ ở các thị trường Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Viettel Global”) đầu tư... Vượt qua những khó khăn, thách thức đó Viettel Global vẫn hoàn thành mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đề ra; 7/9 Công ty đứng ở top 2 trên thị trường, trong đó có tới 5 Công ty ở vị trí số 1; đặc biệt, Công ty Mytel tại thị trường Myanmar đã vươn lên vị trí số 01 chỉ sau 3 năm chính thức kinh doanh.

Trong năm, Viettel Global đã cùng các thị trường điều chỉnh mục tiêu 5 năm và tìm kiếm bổ sung các giải pháp, cơ hội mới phù hợp với giai đoạn phát triển 2021-2025. Định hướng chuyển đổi số trung hạn giai đoạn 2021-2023 cho Viettel Global và các Công ty thị trường. Đẩy nhanh chuyển đổi số đơn vị, số hóa các quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận, mục tiêu chuyển đổi doanh nghiệp viễn thông truyền thống thành các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, giải pháp số toàn diện tại các thị trường kinh doanh.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu hợp nhất đạt **22.618** tỷ đồng, tăng trưởng **9,5%** so với thực hiện năm 2020, hoàn thành kế hoạch đề ra (*Kế hoạch tổng doanh thu hợp nhất trên 20.000 tỷ đồng tương đương năm 2020*).
- Lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt **880** tỷ đồng, giảm **320** tỷ đồng so với năm 2020 (1.200 tỷ đồng), duy trì mục tiêu lợi nhuận trước thuế hợp nhất dương 3 năm liên tiếp.

Ghi chú: Năm 2021, lợi nhuận trước thuế hợp nhất giảm so với năm 2020, nguyên nhân do Viettel Global thay đổi chính sách kế toán ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông theo hướng dẫn tại Công văn số 7370/BTC-QLKT ngày 18/6/2020 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu dịch vụ viễn thông được ghi nhận trên cơ sở dung lượng thực tế mà khách hàng đã sử dụng trong năm thay vì như các năm trước đây được ghi nhận khi thu tiền từ đại lý và khách

*hàng theo Công văn số 18494 ngày 11/12/2015 của Bộ Tài chính. Nếu ghi nhận doanh thu theo chính sách kế toán được áp dụng năm trước thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sẽ tăng 1.600 tỷ và lợi nhuận từ Công ty liên kết sẽ tăng 227 tỷ. Khi đó, tổng doanh thu hợp nhất đạt **24.218** tỷ, tăng **3.561** tỷ so với năm 2020 và lợi nhuận trước thuế hợp nhất 2021 đạt dương **2.707** tỷ đồng, tăng **1.507** tỷ đồng so với năm 2020.*

- Thuê bao: tăng thêm **1,89** triệu thuê bao; không hoàn thành kế hoạch (*Kế hoạch tăng thêm 3 triệu thuê bao*), chủ yếu do ảnh hưởng bởi bất ổn chính trị tại thị trường Myanmar đã tác động tới tăng trưởng thuê bao của Mytel suy giảm âm so với kế hoạch (Mytel -788 nghìn TB/KH 190 nghìn TB).

Năm 2021, hầu hết các thị trường Viettel Global đầu tư có mức tăng trưởng doanh thu cao: Movitel tại Mozambique tăng 31%, Halotel tại Tanzania tăng 24%, Lumitel tại Burundi tăng 20%, Natcom tại Haiti tăng 18%, Metfone tại Campuchia tăng 11%, Star Telecom tại Lào tăng 12%, các Công ty ví điện tử tại Tanzania, Burundi cũng tăng trưởng mạnh, lần lượt là 105% và 68%. Ngoài ra, các thị trường tại từng Châu lục cũng đạt được nhiều thành tựu nổi bật:

- ✓ Các thị trường **Châu Á đều là số 1 về thị phần trên nhiều lĩnh vực, Metfone:** Giữ vững vị trí số 1 về thuê bao di động với 41,9% thị phần và chính thức vượt qua đối thủ liên kế về quy mô doanh thu. Cùng với đó, các chỉ số hiệu quả tài chính đạt cao nhất trong 5 năm trở lại đây. **Mytel:** linh hoạt và tận dụng triệt để cơ hội kinh doanh đã vươn lên vị trí số 1 với 32,8% thị phần thuê bao di động. Mytel cũng là nhà cung cấp dịch vụ Internet có dây số 1 tại Myanmar, chiếm 51% thị phần. Siêu ứng dụng MyID là ứng dụng số 1 tại Myanmar với gần 14 triệu người dùng. **Unitel và Telemor** tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về di động, đồng thời cũng chuyển đổi nhanh chóng để dẫn dắt và trở thành nhà cung cấp hàng đầu trong các dịch vụ mới tại thị trường (*Ví điện tử, Super App*).
- ✓ **Châu Phi:** Hoạt động SXKD có những tăng trưởng vượt bậc, đóng góp lớn vào tăng trưởng của Viettel Global: **Movitel:** Doanh thu dịch vụ liên tiếp 3 năm liền trên 20%, Thuê bao tăng thêm **~1,04** triệu thuê bao *lớn nhất kể từ năm 2014 đến nay*; **Halotel và Lumitel** cũng đạt mức tăng trưởng doanh thu dịch vụ cao trên 26%.
- ✓ Thị trường **Châu Mỹ:** **Natcom** vẫn duy trì được kết quả kinh doanh ấn tượng, doanh thu dịch vụ duy trì tăng trưởng liên tục 2 con số trong 5 năm từ 2017 đến nay; Thuê bao đạt mốc mới 3,2 triệu thuê bao. Tiếp tục duy trì tốc độ này Natcom sẽ trở thành nhà mạng đứng đầu về thuê bao trong năm 2022.

3. Công tác quản lý điều hành:

- ✓ **VTG thực hiện mạnh mẽ việc thay đổi phương pháp quản lý, tập trung vào quản trị các lĩnh vực tài chính, pháp chế, nhân sự và công nghệ. Tổ chức bộ máy tinh gọn, chuyên nghiệp hơn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong công tác quản lý toàn diện các thị trường:** Điều chỉnh, kiện toàn lại bộ máy tổ chức tại các thị trường theo hướng tinh gọn; cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực từng bước có sự thay đổi nhanh chóng phù hợp và đồng bộ với chiến lược chuyển dịch kinh doanh sang lĩnh vực mới và nội dung số; Hiện tại, tất cả các thị trường đã thực hiện xong việc chuyển đổi mô hình tổ chức theo hướng khách hàng, tinh gọn – linh hoạt – số hóa; cơ cấu nguồn nhân lực đang chuyển dịch nhanh sang các lĩnh vực mới tạo ra giá trị và việc outsourcing các công việc giản đơn đang được các thị trường nghiên cứu, triển khai mạnh mẽ; Đảm bảo sự đồng nhất, xuyên suốt về mô hình tổ chức từ Tập đoàn xuống VTG và các Công ty thị trường cũng như tăng tính tự chủ cho thị trường.
- ✓ **Thay đổi căn bản về tư duy quản lý, tập trung tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, chuẩn hóa các quy trình, quy định, thực hiện số hóa hệ thống tài liệu:** Đầu tư nước ngoài luôn đối mặt với những thách thức, rủi ro trong môi trường nhiều biến động nên việc tuân thủ các chuẩn mực Quốc tế và nâng cao tính chuyên nghiệp là yêu cầu bắt buộc; Năm 2021, VTG đã xây dựng được quy chế quản lý rủi ro 3 tuyến phòng vệ; thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ tăng cường hoạt động kiểm soát, quản trị rủi ro trên tất cả các lĩnh vực; Lập kế hoạch triển khai số hóa toàn bộ các tài liệu của TCT và các Thị trường.
- ✓ **Phát huy tốt tinh thần đổi mới về tư duy, sáng tạo trong hành động,** TCT cũng đồng hành cùng thị trường thực hiện hiệu quả chiến lược chuyển dịch về kinh doanh theo hướng phát triển tập thuê bao Arpu cao và đẩy mạnh kinh doanh sang các lĩnh vực mới, nhất là về nội dung số, lĩnh vực B2B, Ví điện tử, Super Apps tại các thị trường nước ngoài, đảm bảo phù hợp với quy luật vận động và phát triển của ngành viễn thông & CNTT thế giới. Với việc xác định đúng và nhất quán quan điểm chuyển dịch số là điều kiện tiên quyết để duy trì sự phát triển về kinh doanh, tạo ra không gian tăng trưởng mới cho các Công ty thị trường. Năm 2021, TCT đã tập trung điều hành, chỉ đạo các thị trường đẩy nhanh, mạnh và thực hiện đồng bộ chiến lược chuyển dịch data với trọng tâm chính là tăng thuê bao data 3G+4G (Năm 2021 tăng mới 3,15tr TB Data, Lũy kế 27,5trTB) để tạo nền tảng cho phát triển hệ sinh thái số cũng như đưa vào đẩy mạnh kinh doanh các sản phẩm nội dung số chủ đạo là dịch vụ Ví điện tử, Super App...(Năm 2021 thêm 2 TT Natcom, Lumitel đưa vào kinh doanh superApp, TB Ví PSGD tăng thêm 2,15trTB – LK 5,71tr TB). Đến hiện tại, những trọng tâm chuyển dịch này đều được các thị trường thực hiện rất hiệu quả; đóng góp quan trọng vào tăng trưởng mới về doanh thu của toàn Tổng Công ty và từng đơn vị.

4. Tồn tại:

Chưa hoàn thành nhiệm vụ M&A tại 1 thị trường: Năm 2021, VTG và thị trường đã tập trung nỗ lực rất nhiều cho việc chuẩn bị hồ sơ, cũng như làm việc với đối tác; Tuy nhiên, đến nay do vướng mắc về thủ tục thoái vốn tại phía Việt Nam nên chưa thể thực hiện được. VTG sẽ tiếp tục xúc tiến chuẩn bị các thủ tục cần thiết, cũng như có các định hướng hoạt động/quản trị để nâng giá trị của các Công ty thị trường trong thời gian tới.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

1. Dự báo về môi trường kinh doanh:

Nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước những biến số khó lường, căng thẳng xung đột giữa Nga – Ukraine ảnh hưởng tới giá năng lượng, hàng hóa tăng vọt và gián đoạn các chuỗi cung ứng. Dự báo việc thiếu hụt nguyên liệu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tổng chi phí hoạt động của các doanh nghiệp tăng từ 3%-5%.

Năm 2022, tiếp tục bùng nổ công nghệ 5G khi các quốc gia đẩy mạnh thương mại hóa 5G, các dịch vụ được khai thác trên nền tảng 5G cũng được ưu tiên phát triển mạnh đặc biệt các dịch vụ kết nối nhanh, sử dụng dữ liệu lớn như IoT, Cloud, AI, không gian ảo Metaverse...

Hoạt động đầu tư nước ngoài dự báo vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức: biến động chính trị tại các nước đầu tư; biến động tỷ giá và khan hiếm ngoại tệ; nhiều chính sách mới về quản lý và kinh doanh viễn thông được ban hành để ràng buộc nhà cung cấp viễn thông.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Với những dự báo nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu và nhiệm vụ trọng tâm như sau:

2.1 Chỉ tiêu chính:

- **Tổng doanh thu hợp nhất** đạt **23.000** tỷ đồng, tương đương so với năm 2021 (đạt **23.743** tỷ, gồm 22.618 tỷ doanh thu năm 2021 và 1.125 tỷ đồng doanh thu dịch vụ viễn thông khách hàng chưa sử dụng dịch vụ trước ngày 01/01/2021 được ghi giảm vào doanh thu năm 2021 do Tổng Công ty áp dụng điều chỉnh phi hồi tố theo hướng dẫn tại Thông tư số 20/2006TTT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính);
- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:** Duy trì đạt dương đến tương đương năm 2021.
- **Thuê bao viễn thông:** tăng trưởng 2,5 triệu Thuê bao.
- **Thuê bao số:** tăng trưởng 6 triệu Thuê bao.

2.2 Nhiệm vụ trọng tâm:

- Duy trì tốt hoạt động kinh doanh đối với các dịch vụ viễn thông truyền thống (di động, cố định băng rộng); Đồng thời tập trung vào phát triển các dịch vụ mới (super app, ví điện tử...) để đảm bảo tăng trưởng doanh thu và gắn kết khách hàng.
- Nghiên cứu thúc đẩy và đa dạng hóa các hoạt động M&A (bán trạm; bán cổ phần tại các Công ty cung cấp dịch vụ ví điện tử) để tối ưu thu hồi vốn.
- Thực hiện chuyển đổi chuẩn kế toán quốc tế IFRS đối với toàn bộ các Công ty thị trường, mục tiêu xây dựng hệ thống kế toán quản trị minh bạch, tuân thủ theo chuẩn quốc tế.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Tối ưu nhân sự tại các thị trường tinh gọn, hiệu quả.
- Đảm bảo nguồn vốn cho các thị trường và kế hoạch chuyển tiền về Việt Nam.

2.3 Giải pháp thực hiện:

Giải pháp về kinh doanh:

- Tiếp tục đầu tư mạnh 4G tại các thị trường Châu phi, Haiti; Châu Á đầu tư dịch vụ Cố định băng rộng, phát triển ví điện tử; Quy hoạch hệ sinh thái cho Super App thị trường.
- Phát triển, tăng trưởng thuê bao thông qua cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm. Đặc biệt phát triển thuê bao thành thị. Tăng trưởng Apru thông qua đẩy mạnh dịch chuyển thuê bao thoại sang thuê bao Data, chuyển dịch thuê bao 2G, 3G sang 4G.
- Tập trung vào kinh doanh ví điện tử thành dịch vụ chiến lược bên cạnh viễn thông. Đa dạng hóa các dịch vụ có thể sử dụng trên ví và mở rộng quy mô thanh toán của ví (merchant & đối tác). Xây dựng các dịch vụ mới từ dữ liệu khách hàng của ví điện tử (đánh giá tín dụng).
- Phát triển các dịch vụ triển khai trên nền tảng 5G, các công nghệ mới, sẵn sàng cho thương mại hóa 5G và chuyển đổi công nghệ tại các thị trường.

Giải pháp về quản trị thương hiệu, tăng cường các mối quan hệ:

- Nâng cao hình ảnh thương hiệu của Viettel Global và các Công ty thị trường: triển khai các chiến dịch để nâng cao nhận diện thương hiệu và các giá trị thương hiệu trong tâm trí khách hàng.
- Duy trì tốt quan hệ với cổ đông, chính phủ, chính quyền nước tiếp nhận đầu tư để phối hợp trong công tác quản trị và điều hành Công ty, đề xuất các cơ chế chính sách thuận lợi cho SXKD; Trực tiếp cử lãnh đạo cấp cao trong ban điều hành sang hỗ trợ các Công ty thị trường thúc đẩy mối quan hệ, đẩy mạnh hoạt động SXKD; Thuê tư vấn của các chuyên gia, học tập kinh nghiệm của các Tập

đoàn, tổ chức khác để áp dụng hiệu quả cho các thị trường Viettel Global đầu tư.

Giải pháp về tài chính, đảm bảo nguồn vốn:

- Giám sát tình hình thực hiện các dự án theo Mục tiêu tài chính các thị trường; Nghiên cứu thực hiện tái cơ cấu vốn tại một số thị trường để có thể đẩy nhanh hơn tiến độ thu hồi vốn.
- Thực hiện quản trị và làm chủ được nguồn vốn, dòng tiền về, tiền đầu tư, tiền trả nợ...
- Đánh giá hiệu quả đầu tư khi phát sinh nhu cầu đầu tư mới tại các thị trường.

Giải pháp về lao động, tiền lương:

- Xây dựng các Công ty thị trường là thương hiệu tuyển dụng hàng đầu tại nước sở tại, đa dạng hoá trong tuyển dụng.
- Nghiên cứu, triển khai cơ chế tiền lương mới cạnh tranh, thu hút được nhân sự có chất lượng tại các thị trường.
- Xây dựng và áp dụng các chỉ tiêu KPI hiện đại về đánh giá chất lượng nguồn nhân lực.
- Tổ chức đưa người sở tại về Việt Nam đào tạo phục vụ cho hoạt động chuyển giao các vị trí quản lý cấp trung Công ty thị trường.

Giải pháp về Pháp chế và quản trị rủi ro:

- Pháp lý hoá các hoạt động quản trị, chuyên nghiệp hoá ngành pháp chế, đồng bộ hoá toàn bộ các quy trình, quy định đảm bảo bộ máy hoạt động chuyên nghiệp, bài bản trên tinh thần thượng tôn pháp luật.
- Thuê tư vấn để nghiên cứu các chính sách ngành Viễn thông, Tài chính điện tử, CNTT và các ngành dịch vụ số mới đã được xác định trong chiến lược phát triển của Công ty.
- Quản trị rủi ro của các Công ty đầu tư một cách toàn diện, chuyên nghiệp, có hệ thống giám sát, cảnh báo.

Trên đây là báo cáo của Tổng Giám đốc Tổng Công ty, kính báo cáo Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VP, Tủ 02.



Nguyễn Đạt

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel;
Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 và tình hình sử dụng vốn điều lệ trong năm 2021, cụ thể như sau:

1. Một số chỉ tiêu chính của Báo cáo tài chính năm 2021

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu Công ty mẹ	Số liệu Hợp nhất
1	Tổng tài sản	55.655	52.851
2	Nợ phải trả	11.544	24.217
	- Nợ vay:	8.806	12.238
3	Vốn chủ sở hữu	44.111	28.634
4	Tổng Doanh thu, trong đó:	5.511	22.618
	+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.284	19.242
	+ Doanh thu hoạt động tài chính	3.216	3.203
	+ Thu nhập khác	11	173
6	Lợi nhuận trước thuế	357	880
7	Thuế TNDN	34	533
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	323	347

(Báo cáo tài chính chi tiết đính kèm)

2. Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ năm 2021

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ các đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo các nội dung như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Nội dung	Số vốn đã sử dụng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Số vốn đã sử dụng trong năm 2021	Số vốn đã sử dụng lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
1	Đầu tư vào thị trường Myanmar	1.728,94	72,50	1.801,44
	- Góp vốn điều lệ	603,42	-	603,42
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích đầu tư	1.125,52	72,50	1.198,02
2	Đầu tư vào thị trường khác	621,00	300,00	921,00
	- Góp vốn điều lệ	0,00	300,00	300,00
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích đầu tư	621,00	-	621,00
3	Thực hiện các nhiệm vụ chiến lược	868,59	-	868,59
	- Thanh toán nợ vay ngân hàng phục vụ mục đích bán thiết bị cho công ty con, công ty liên kết	868,59	-	868,59
4	Tổng số vốn đã sử dụng	3.218,53	372,50	3.591,03
		Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 31/12/ 2021
5	Số vốn chưa sử dụng (Tiền gửi ngân hàng)	4.781,47		4.408,97
6	Tổng cộng vốn	8.000,00		8.000,00

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, TC. Quỳnh 10.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (“BKS”) NĂM 2021

1. Tổng kết hoạt động của BKS năm 2021

- Trong năm 2021, BKS đã tổ chức 06 cuộc họp, các vấn đề được thảo luận và biểu quyết thông qua tại các cuộc họp tuân thủ đúng các quy định về Quy chế hoạt động của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên 2021 thông qua.
- Một số nội dung quan trọng đã được BKS thông qua bao gồm: Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2021 của BKS; Thông qua các nội dung Báo cáo của BKS và kết quả thẩm định các nội dung mà Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc (“BTGD”) Tổng Công ty (“TCT”) trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021; Thông qua kết quả giám sát việc lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021; Thông qua các kết quả giám sát định kỳ...
- Việc chi trả thù lao và chi phí hoạt động trong năm 2021 cho BKS đảm bảo tuân thủ kế hoạch ngân sách đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 phê duyệt.
- Một số nội dung giám sát đã được BKS kiểm tra trong năm 2021:
 - Giám sát hoạt động của HĐQT TCT theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết phân cấp ủy quyền, Nghị quyết phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT (“TV HĐQT”).
 - Giám sát công tác điều hành của Ban TGD: đánh giá việc thực hiện theo các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ/HĐQT giao, đánh giá việc triển khai các giải pháp, kế hoạch hành động để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã báo cáo ĐHĐCĐ, đánh giá thận trọng, trung thực trong các quyết định điều hành theo sự phân cấp ủy quyền của HĐQT TCT, việc thực hiện công bố thông tin theo quy định và thực hiện các quyết định điều hành khác trong việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, Công ty và người lao động...
 - Giám sát việc áp dụng các nguyên tắc, chính sách kế toán tại TCT, đánh giá việc lập và trình bày BCTC định kỳ theo chế độ hiện hành, thẩm định BCTC 6 tháng/lần sau khi đã có các kết quả soát xét/kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập.
 - Giám sát việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và giám sát chất lượng hoạt động dịch vụ kiểm toán, soát xét BCTC của đơn vị kiểm toán.



- Giám sát việc triển khai công tác Quản trị rủi ro, Kiểm toán nội bộ tại TCT, đánh giá tính hiệu lực hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với một số nội dung/lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty.
- Giám sát các hoạt động về quản lý lao động, tiền lương; thực hiện đầu tư mua sắm; quản lý, sử dụng vốn, tài sản; quản lý theo dõi và thu hồi công nợ; thực hiện các nghĩa vụ phải trả; thực hiện sử dụng các quỹ đã trích lập và thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước...
- Giám sát công tác phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban TGD và các đơn vị liên quan với BKS; giám sát việc thực hiện đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông, Công ty và người lao động...

2. Đánh giá giao dịch giữa Công ty với người có liên quan (theo quy định tại Khoản 4 – Điều 290 – NB 155/2020/NB-CP)

- BKS đã thực hiện giám sát hoạt động kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan của những người nội bộ của Tổng Công ty theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019.
- BKS đã có sự giám sát đầy đủ trình tự thủ tục khi thực hiện phê duyệt, ký kết các hợp đồng giao dịch giữa VTG đối với các bên có liên quan. Trong năm 2021, BKS nhận thấy các giao dịch giữa VTG với các bên có liên quan đều có đầy đủ các Nghị quyết HĐQT phê duyệt và không phát sinh giao dịch có giá trị lớn ngoài thẩm quyền của HĐQT TCT.

3. Kết quả giám sát công tác quản trị điều hành của HĐQT

- Hoạt động của HĐQT TCT trong năm 2021 (tổ chức 11 cuộc họp, ban hành 46 Nghị quyết) đã đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ TCT, Quy chế Quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT. Cụ thể: công tác họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành Nghị quyết HĐQT đã được thực hiện theo đúng trình tự, đảm bảo đủ các thủ tục quy định và phù hợp với phân cấp uỷ quyền. Các quyết định quan trọng đã được HĐQT thông qua: Phê duyệt ngân sách đầu tư trong năm của TCT; phê duyệt mục tiêu tài chính dài hạn của các Công ty thị trường; phê duyệt giao dịch với các bên có liên quan; phê duyệt thay đổi nhân sự cấp cao của TCT và các Công ty thị trường; phê duyệt mô hình tổ chức của TCT...
- HĐQT có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các thành viên HĐQT và các thành viên HĐQT đã hoạt động nghiêm túc, cẩn trọng theo đúng vai trò, trách nhiệm và phát huy tối đa các hoạt động giám sát theo lĩnh vực chuyên môn được phân công.
- Ban điều hành định kỳ đã báo cáo HĐQT, cập nhật đầy đủ tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh. HĐQT đã kịp thời định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành

trong việc xử lý các vấn đề phát sinh để đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ giao.

- **Ý kiến thẩm định Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ:** Theo ý kiến BKS, Báo cáo của HĐQT trình ĐHĐCĐ đã phản ánh chính xác, đầy đủ các thông tin quản trị, điều hành và tầm nhìn dài hạn phát triển Công ty, đồng thời đã có sự thận trọng đánh giá đầy đủ các bối cảnh kinh doanh có khả năng ảnh hưởng đến việc thực thi mục tiêu dài hạn của Tổng Công ty.
- Bên cạnh đó, BKS nhận thấy hoạt động M&A của TCT còn chưa có nhiều dấu hiệu tích cực để đạt được mục tiêu dài hạn đã đề ra. Đây là hoạt động cần nhiều sự định hướng, chỉ đạo từ HĐQT trong trung và dài hạn.

4. Kết quả giám sát công tác quản trị điều hành Ban Giám đốc trong năm 2021

- Với trách nhiệm trực tiếp điều hành mọi hoạt động của TCT và trong bối cảnh xảy ra nhiều yếu tố bất lợi tại các thị trường đầu tư (bất ổn chính trị, thiên tai, dịch bệnh, suy giảm kinh tế vĩ mô của các quốc gia, biến động tỷ giá phức tạp và khó có thể dự đoán...), Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thành các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ và HĐQT giao, cụ thể:
 - LNTT hợp nhất đạt 880 tỷ đồng (mặc dù bị ảnh hưởng giảm Doanh thu và giảm LNTT tương ứng do thay đổi chính sách kế toán hơn 1.600 tỷ đồng); Điều hành các thị trường: duy trì số 1 thị phần trên nhiều lĩnh vực đối với 4/4 Công ty thị trường Châu Á, tăng trưởng doanh thu dịch vụ cao trên 20% đối với các Công ty thị trường Châu Phi và duy trì tăng trưởng liên tục 5 năm liên tại thị trường Châu Mỹ, thu hẹp khoảng cách thị phần với đối thủ.
 - Ban TGD đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực; các kết quả sản xuất kinh doanh được Ban TGD thường xuyên bám nắm, họp, trao đổi, thảo luận và ra quyết định để giải quyết kịp thời các vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh.
 - Ban TGD đã có sự đánh giá nghiêm túc sự thay đổi các bối cảnh kinh doanh phát sinh tại Việt Nam và các Công ty thị trường, đánh giá đầy đủ nguồn lực của Công ty, kịp thời báo cáo HĐQT TCT để có các định hướng, bổ sung, điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh để phát triển và gia tăng hiệu quả hoạt động.
 - Ban TGD đã chú trọng nhiều hơn cho hoạt động kiểm soát, phát triển bền vững; tập trung xây dựng, hoàn thiện và vận hành hiệu quả hoạt động quản lý rủi ro gắn với các hoạt động điều hành, sản xuất kinh doanh của TCT; tập trung rà soát, bổ sung đầy đủ hệ thống quy trình, quy định, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, hạn chế tối đa các sai sót phát sinh.
 - Ban TGD đã đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tối ưu nhân sự tại các thị trường theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- **Thẩm định Báo cáo của BTGD trình HĐQT:** Theo quan điểm của BKS, báo cáo của Ban TGD đã phản ánh hợp lý và chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của TCT năm 2021. Các quyết định của Ban TGD đã đảm bảo sự cẩn trọng, trung thực và tuân thủ nghiêm túc các quy định về phân cấp ủy quyền và phân công nhiệm vụ.
- Bên cạnh đó, BKS nhận thấy hoạt động điều hành của Ban TGD trong năm 2021 vẫn cần phải lưu ý một số vấn đề:
 - Dù đã rất nỗ lực tuy nhiên sự việc tranh chấp cổ đông tại liên doanh Nextel vẫn chưa tìm được phương án giải quyết dứt điểm.
 - Tình trạng khan hiếm ngoại tệ ảnh hưởng tới việc chuyển tiền về nước của một số thị trường như VTB, STL, Mytel vẫn chưa có phương án khả thi. Đặc biệt là thị trường Mytel (là thị trường trọng điểm, đầu tư vốn lớn nhất của TCT, mặc dù kết quả kinh doanh khả quan, tạo ra dòng tiền tốt nhưng không có ngoại tệ để thu mua chuyển về nước. Dù đây là yếu tố khách quan tuy nhiên có khả năng ảnh hưởng đến mục tiêu hoàn vốn dự án).
 - Bối cảnh kinh doanh (bao gồm cả các yếu tố vi mô, vĩ mô) tại các thị trường VTG đầu tư luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các Công ty thị trường. Việc phát hiện sớm các nguy cơ, xác định giải pháp và phân bổ nguồn lực xử lý theo đúng mô hình 03 lớp kiểm soát đã được TCT ban hành là hết sức cần thiết. Ban điều hành cần thể hiện các cam kết hành động quyết liệt và nhất quán trong việc xây dựng và vận hành bộ máy Quản trị rủi ro hiệu quả và tiên tiến theo các thông lệ tốt.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, TGD và các cổ đông.

- BKS đã có sự phối hợp tốt với HĐQT và Ban TGD trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Cụ thể: BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp thường kỳ của Ban điều hành để đảm bảo nắm bắt kịp thời, đầy đủ các thông tin; Văn phòng HĐQT và các cơ quan chuyên môn liên quan đã thực hiện cung cấp thông tin đúng quy định khi có yêu cầu của BKS; các kiến nghị của BKS đã được HĐQT và Ban TGD tiếp thu, giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan thực hiện giải trình, khắc phục nghiêm túc, đầy đủ.
- Giám sát các nội dung theo yêu cầu của cổ đông: Không phát sinh các nội dung lớn trong năm 2021. Bộ phận quan hệ cổ đông của TCT đã tích cực hỗ trợ các cổ đông trong việc cập nhật, sửa đổi thông tin cổ đông, cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần... khi có yêu cầu.

6. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021:

- Công tác lập và kiểm toán BCTC: BCTC năm 2021 (bao gồm BCTC Công ty mẹ và BCTC Hợp nhất) đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm

toán và phát hành báo cáo kiểm toán ngày 31/03/2022. Báo cáo kiểm toán đã đánh giá đầy đủ, khách quan về công tác lập và trình bày BCTC năm 2021 của TCT. Các ý kiến kiểm toán đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của TCT cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

- **Một số chỉ tiêu BCTC Công ty mẹ:**

- Trong năm 2021, đã hoàn tất việc sáp nhập VTO – Công ty con của VTG vào BCTC của VTG mẹ. Dẫn đến một số chỉ tiêu có sự thay đổi trên BCTC VTG mẹ gồm: Tăng khoản mục đầu tư vào Công ty con 0,65 nghìn tỷ đồng (do ghi nhận tăng khoản đầu tư vào Công ty Viettel Haiti và ghi giảm khoản đầu tư vào Công ty VTO) và tăng doanh thu tài chính từ hoạt động sáp nhập ~ 68 tỷ đồng.
- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán (đơn vị: nghìn tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	31.12.2021	31.12.2020	+/-	%
1	Tổng tài sản	55,66	60,04	(4,38)	-7,3%
2	Nợ phải trả	11,54	16,17	(4,63)	-28,6%
3	Vốn chủ sở hữu	44,11	43,86	0,25	0,6%
4	Tổng phải thu	48,25	51,14	(2,89)	-5,6%
5	Trích lập dự phòng Nợ phải	6,66	4,26	2,4	56,6%
6	Tổng phải trả người bán	1,65	4,09	(2,45)	-59,8%
7	Tổng phải trả Vay ngân	8,81	10,61	(1,80)	-17,0%
8	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,26	0,37		
9	Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	4,3	4,1		

- ✓ Tại 31/12/2021, Tổng tài sản giảm 4,38 nghìn tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2020 (~ giảm 7,3%). Nguyên nhân giảm chủ yếu do giảm công nợ phải thu 2,89 nghìn tỷ đồng (thu nợ tốt) và thận trọng trích lập dự phòng theo kế hoạch đối với các khoản công nợ phải thu khó đòi của 02 thị trường Viettel Tanzania và Viettel Cameroon (2,4 nghìn tỷ đồng). Các tài sản tăng gồm: Tiền (bao gồm cả đầu tư tài chính ngắn hạn) tăng 0,33 nghìn tỷ đồng, Thuế GTGT được khấu trừ tăng 0,12 nghìn tỷ đồng và đầu tư vào Công ty con tăng 0,97 nghìn tỷ đồng.
- ✓ Tại 31/12/2021, Tổng Nợ phải trả giảm 4,63 nghìn tỷ so với thời điểm 31/12/2020 (~ giảm 28,6%). Nguyên nhân chủ yếu do giảm Nợ phải trả người bán 2,45 nghìn tỷ đồng (~ giảm 59,8%) và giảm Dự nợ vay ngân hàng 1,8 nghìn tỷ đồng (~ giảm 17%). Tổng Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 0,25 nghìn tỷ đồng, do tăng từ LNST trong kỳ.

• Các chỉ tiêu SXKD (đơn vị: nghìn tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	+/-	%
1	Tổng doanh thu	5,51	4,98	0,53	10,8%
1.1	DT BH&CCDV	2,28	2,15	0,13	6,2%
1.2	DT tài chính	3,22	2,82	0,40	13,9%
2	Tổng chi phí	5,15	3,61	1,54	42,9%
3	Lợi nhuận gộp	1,04	0,79	0,25	32,1%
4	LNTT	0,36	1,37	(1,01)	-73,9%
5	LNST	0,32	1,20	0,88	-73,0%
6	Tỷ suất LN gộp	45,7%	36,8%		
7	ROE	0,7%	2,7%		
8	ROA	0,6%	2,0%		

- ✓ Tổng doanh thu năm 2021/2020 tăng nhẹ 0,53 nghìn tỷ đồng ~ tăng 10,8% (chủ yếu nguồn tăng từ doanh thu hoạt động tài chính, tăng 0,4 nghìn tỷ đồng ~ tăng 13,9% so với cùng kỳ. Chi tiết yếu tố trong doanh thu hoạt động tài chính: tăng do cổ tức và lợi nhuận được chia 0,31 nghìn tỷ đồng, từ lãi phạt chậm trả và bán hàng trả chậm 0,3 nghìn tỷ đồng, từ nghiệp vụ sáp nhập doanh nghiệp 0,07 nghìn tỷ đồng và giảm doanh thu từ lãi cho vay 0,24 nghìn tỷ đồng, từ doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng 0,075 nghìn tỷ đồng).
- ✓ Tổng chi phí 2021/2020 tăng 1,54 nghìn tỷ đồng ~ tăng 42,9%, gấp hơn 4 lần tốc độ tăng trưởng Tổng doanh thu. Nguyên nhân tăng chủ yếu do các yếu tố chi phí tài chính (cụ thể là lỗ chênh lệch tỷ giá 0,475 nghìn tỷ đồng ~ tăng 255% so với cùng kỳ và do biến động các khoản trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con ~ 0,508 nghìn tỷ đồng; trong khi đó chi phí lãi vay giảm 0,196 tỷ đồng ~ giảm 37,5% so với cùng kỳ do gốc vay giảm mạnh) và tăng từ chi phí QLDN 0,85 nghìn tỷ đồng ~ tăng 51,6% so với cùng kỳ 2020 (chủ yếu do tăng chi phí trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo kế hoạch với các thị trường Viettel Cameroon và Viettel Tanzania).
- ✓ Việc gia tăng các khoản chi phí nêu trên dẫn tới LNTT năm 2021 chỉ còn 0,36 nghìn tỷ đồng, giảm hơn 1 nghìn tỷ đồng so với cùng kỳ 2020 ~ giảm 74% (Mặc dù tỷ lệ Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh chính vẫn rất cao, năm 2021 tỷ lệ này là 45,7%, trong khi năm 2020 chỉ là 36,8%).
- ✓ Tương ứng LNST giảm mạnh (giảm 73%) so với cùng kỳ 2020, do đó các chỉ số ROE và ROA của VTG trong năm 2021 ở mức khá thấp, lần lượt là 0,7% và 0,6%, trong khi năm 2020 các chỉ số này lần lượt là 2,7% và 2,0%.

- **Một số chỉ tiêu BCTC hợp nhất:**

- Trong năm 2021, TCT đã thay đổi về chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Tài chính theo các công văn hướng

dẫn áp dụng từ 01/01/2021. Các yếu tố thay đổi và ảnh hưởng đã được TCT có văn bản giải trình, thuyết minh trên BCTC và CBTT đầy đủ.

✓ Một số chỉ tiêu tài chính cụ thể (đơn vị: nghìn tỷ đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	+/-	%
1	Tổng doanh thu	20,78	22,25	(1,45)	-6,8%
1.1	DT BH&CCDV	19,24	18,96	0,28	1,5%
1.2	DT tài chính	3,20	1,48	1,72	116,2%
1.3	Lãi/(lỗ) công ty liên kết	(1,84)	1,59	(3,43)	-215,7%
2	Tổng doanh thu không bao gồm Lãi/(lỗ) công ty liên kết	22,62	20,66	1,96	9,5%
3	Tổng doanh thu loại bỏ ảnh hưởng do thay đổi chính sách kế toán và không bao gồm Lãi/(lỗ) công ty liên kết	24,22	20,66	3,56	17,23%
4	Tổng chi phí	19,90	21,05	(1,15)	-5,4%
5	Lợi nhuận gộp	7,12	7,07	0,05	0,7%
6	LNTT	0,88	1,20	(0,32)	-26,7%
7	LNST	0,35	0,43	0,08	-19,1%
8	Tỷ suất LN gộp	37,0%	37,3%		
9	LNST/Tổng doanh thu	1,7%	1,9%		
10	ROE	1,2%	1,4%		
11	ROA	0,7%	0,7%		

✓ Tổng doanh thu (bao gồm Lãi/(lỗ) Công ty liên kết 2021/2020: giảm 1,45 nghìn tỷ ~ giảm 6,8%. Nguyên nhân chủ yếu do 2021 công ty ghi nhận khoản lỗ từ công ty liên kết 1,84 nghìn tỷ đồng/trong khi cùng kỳ ghi nhận lãi 1,59 nghìn tỷ đồng (nguyên nhân chủ yếu do Công ty Viettel Myanmar chịu ảnh hưởng nặng nề từ cuộc chính biến chính trị dẫn đến biến động mạnh tỷ giá). Doanh thu BH&CCDV vẫn tăng nhẹ 0,28 nghìn tỷ đồng so với cùng kỳ 2020 mặc dù sự thay đổi chính sách kế toán đã làm giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ gần 1,6 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt nếu loại bỏ ảnh hưởng của thay đổi chính sách kế toán và không tính Lãi/(lỗ) từ Công ty liên kết, Tổng doanh thu 2021/2020 tăng tới 3,56 nghìn tỷ đồng ~ tăng 17,23%. Điều đó là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh khởi sắc của các Công ty thị trường trong năm 2021.

✓ Tổng chi phí 2021/2020 giảm 1,15 nghìn tỷ đồng ~ giảm 5,4%. Như vậy tốc độ giảm chi phí thấp hơn tốc độ giảm Tổng doanh thu. Điều đó dẫn đến LNTT năm 2021 chỉ đạt 0,88 nghìn tỷ đồng, trong khi cùng kỳ 2020 là 1,2 nghìn tỷ đồng (~ giảm 26,7%). LNST 2021 đạt 0,35 nghìn tỷ đồng, giảm 0,08 nghìn tỷ đồng ~ giảm 19,1% so với cùng kỳ 2020.

- ✓ Sự suy giảm LNST dẫn đến các chỉ tiêu hiệu quả như ROE, ROA và LNST/Tổng doanh thu năm 2021 suy giảm nhẹ so với năm 2020.
- ✓ Các yếu tố chi phí khác: Chi phí lãi vay 2021 cũng đã giảm 0,28 nghìn tỷ đồng ~ giảm 34,3% so với cùng kỳ 2020; chi phí khấu hao giảm 0,43 nghìn tỷ ~ giảm 11,4%. Dẫn đến EBITDA năm 2021 còn 4,74 nghìn tỷ đồng, giảm 1,03 nghìn tỷ đồng ~ giảm 17,8% so với năm 2020. Và chỉ số EBITDA margin năm 2021 là 24,7%/cùng kỳ 2020 là 30,4%.

7. Thực hiện các nội dung đã được nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 phê duyệt:

- Thực hiện các chỉ tiêu SXKD: cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 phê duyệt. Cụ thể: Tổng doanh thu hợp nhất đạt 20,78 nghìn tỷ đồng (~100%KH), LNTT hợp nhất đạt 880 tỷ đồng/KH LNTT dương, Dòng tiền về nước đạt 265 triệu USD/KH từ 250 đến 300 triệu USD. Riêng chỉ tiêu Thuê bao tăng trưởng chỉ đạt 1,89 triệuB/KH 3 triệu TB;
- Một số nhiệm vụ trọng tâm cũng đã cơ bản hoàn thành tốt: Tăng cường các hoạt động rà soát và đào tạo nâng cao nguồn chất lượng nhân sự để đảm bảo xây dựng được đội ngũ nhân sự chủ chốt cho các lĩnh vực hoạt động; Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá tuân thủ quy trình quy định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ SXKD...
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán: đã thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán Deloitte Việt Nam theo hợp đồng số 0108/VN1A-HN-HĐ ngày 09/08/2021.
- TCT đã công bố thông tin đầy đủ các Điều lệ sửa đổi, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế hoạt động của BKS TCT trên website.
- Đã hoàn thành việc bổ sung ngành nghề kinh doanh xuất nhập khẩu café vào danh mục kinh doanh của TCT.
- Đã hoàn thành việc kiện toàn HĐQT và có phân công nhiệm vụ chi tiết cho từng TV HĐQT.
- Đã thực hiện trích lập các quỹ từ LNST của Công ty mẹ đúng quy định.
- Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS: đã tuân thủ các quy định về mức chi đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua, cụ thể:
 - Tổng thù lao HĐQT và Thư ký HĐQT là: 1,156 tỷ đồng (Chưa bao gồm lương, thưởng cho cho TV HĐQT chuyên trách).
 - Thù lao BKS: TH 2,2 tỷ đồng/KH 2,6 tỷ đồng
 - Chi phí hoạt động của BKS: TH 27 triệu đồng/KH 635 triệu đồng.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách hoạt động.

- Kế hoạch hoạt động trọng tâm trong năm 2022 của BKS:
 - Giám sát hoạt động của HĐQT TCT theo các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ TCT, các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua/ủy quyền bằng Nghị quyết...
 - Giám sát hoạt động điều hành của Ban TGD: đánh giá tính cần trọng, trung thực, đầy đủ, hợp pháp và tuân thủ thẩm quyền của TGD đối với các nội dung đã được ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua; giám sát việc thực thi các giải pháp để đạt được các mục tiêu dài hạn của TCT.
 - Giám sát hoạt động công bố thông tin, việc đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các cổ đông, công ty và người lao động.
 - Giám sát công tác hạch toán kế toán, trình bày BCTC đảm bảo sự trung thực hợp lý, cần trọng, nhất quán và tuân thủ các chế độ, chuẩn mực hiện hành; Thẩm định BCTC 6 tháng/lần và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; giám sát hoạt động kiểm toán, soát xét BCTC theo quy định; giám sát việc thực hiện khắc phục các khuyến nghị của các cơ quan thanh kiểm tra...
 - Giám sát hoạt động vận hành bộ máy quản trị rủi ro của TCT, đánh giá hiệu quả, hiệu lực của hệ thống KSNB, hoạt động Kiểm toán nội bộ tại TCT.
 - Thực hiện các nhiệm vụ khác khi có đề nghị, yêu cầu của cổ đông, HĐQT TCT.
 - Thực hiện kiểm tra trực tiếp 01- 02 thị trường.
- Kế hoạch ngân sách dự kiến cho hoạt động của BKS trong năm 2022 là: 850 triệu đồng. Trong đó đã bao gồm công tác phí, chi phí hoạt động đào tạo, thuê tư vấn, chi phí cho văn phòng phẩm, trang bị công cụ, dụng cụ làm việc, tổ chức hội họp và các hoạt động ngoại giao khác theo thẩm quyền của BKS (nếu phát sinh).

2. Kiến nghị.

- HĐQT và Ban TGD TCT cần tiếp tục tìm kiếm các giải pháp để xử lý các vấn đề tồn tại lâu ngày tại liên doanh Nextel – là dự án đầu tư của TCT tại thị trường Cameroon.
- HĐQT tiếp tục nâng cao vai trò giám sát đối với Ban điều hành. Theo quan điểm BKS, HĐQT cần có định hướng phát triển và chú trọng hơn nữa trong việc triển khai công tác kiểm toán nội bộ để nâng cao hoạt động đánh giá độc lập, nhằm gia tăng hơn nữa hiệu quả quản trị công ty và thúc đẩy sự phát triển bền vững của TCT.
- Ban TGD TCT tiếp tục đẩy mạnh hoạt động Quản trị rủi ro để tăng cường công tác nhận diện sớm các nguy cơ, kịp thời tổ chức triển khai các hành động, giải pháp nhằm hoàn thành các kế hoạch SXKD và đạt được các mục tiêu dài hạn của TCT. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát khuyến nghị Ban TGD TCT tập trung điều hành cho một số nội dung cụ thể sau:

(i) Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ của các Công ty thị trường, đặc biệt là các thị trường Châu phi và Mytel để đảm bảo tiến độ thu hồi vốn đầu tư, gia tăng hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn nhân rồi của Công ty mẹ.

(ii) Kiểm soát tốt hơn nữa hiệu quả hoạt động đầu tư mua sắm, triển khai xây dựng hạ tầng mạng lưới tại các Công ty thị trường.

(iii) Đẩy mạnh hoạt động kiểm soát tuân thủ toàn diện các lĩnh vực tại các Công ty thị trường.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính báo cáo Đại hội xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, BKS, VPHĐQT. Tiệp 10.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

LÊ QUANG TIỆP

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
V/v thông qua phương án phân chia lợi nhuận
và trích lập các quỹ năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Tổng Công ty hoặc VTG);

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

1. Phương án trích lập các quỹ và phân chia lợi nhuận năm 2021:

- Trích quỹ:

- Trích 10% lợi nhuận sau thuế (LNST) dùng để phân phối năm 2021 của Tổng công ty mẹ làm quỹ khen thưởng và phúc lợi cho người lao động 32.333 triệu đồng;
- Trích 1,5 tháng tiền lương bình quân của người quản lý thực hiện năm 2021 tương đương 0,33% LNST dùng để phân phối năm 2021 của Tổng công ty mẹ làm quỹ thưởng cho người quản lý doanh nghiệp: 1.073 triệu đồng;
- Trích 30,00% LNST dùng để phân phối năm 2021 của Tổng công ty mẹ làm quỹ đầu tư phát triển: 96.998 triệu đồng. Quỹ đầu tư phát triển, cùng với lợi nhuận giữ lại của công ty sẽ được sử dụng để tiếp tục đầu tư vào các thị trường đang triển khai, dựa trên nhu cầu vốn của VTG. Nguồn quỹ này sẽ được dùng để tăng vốn ngay khi VTG đủ điều kiện.

- Chia cổ tức: **không thực hiện cho năm 2021**

Nguyên nhân:

+ Theo điểm b khoản 2 điều 135 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

+ Theo điểm đ khoản 1 Điều 74 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp quy định



Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNSTCPP) trên Báo cáo tài chính hợp nhất (BCTCHN). Hiện LNSTCPP trên BCTCHN đang -4.679.651 triệu đồng nên Hội đồng quản trị đề xuất không thực hiện chia cổ tức cho năm 2021.

2. Bảng số liệu cụ thể:

Đơn vị: Triệu Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Tỷ trọng	Số trích lập năm trước	Số dư lũy kế các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích quỹ
I	Lợi nhuận Công ty mẹ giữ lại từ các năm trước	10.483.556			
II	Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021 của Công ty mẹ VTG	323.328	100%		
III	Trích lập các quỹ năm 2021	130.404	40,33%		
1	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	96.998	30,00%	359.161	2.866.178
2	Trích Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi	32.333	10,0%	74.099	103.233
3	Trích Quỹ thưởng cho người quản lý	1.073	0,33%	1.752	367
IV	Lợi nhuận thực hiện 2021 còn lại sau khi trích lập các quỹ	192.924			
V	Chia cổ tức cho các cổ đông				
VI	Lợi nhuận lũy kế giữ lại của Công ty mẹ (= I + IV - V)	10.676.480			

Lợi nhuận lũy kế giữ lại của Công ty mẹ **10.676.480** triệu đồng sẽ được sử dụng vào mục đích đầu tư vào các thị trường đang triển khai, phù hợp với nhu cầu vốn đầu tư và lợi ích cổ đông, hỗ trợ VTG phát triển bền vững. Đây chính là nguồn lực từ nguồn vốn chủ sở hữu nhằm đảm bảo thanh khoản cho VTG trong dài hạn, đồng thời tăng năng lực tài chính và nâng cao vị thế, uy tín của VTG để tiếp cận các nguồn vốn phong phú.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, TC. Tuần 10.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v thông qua phương án chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (Tổng Công ty);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh năm 2022, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao cho thành viên HĐQT và BKS, Thụ ký HĐQT và ngân sách hoạt động năm 2021 và dự kiến mức thù lao, ngân sách hoạt động năm 2022 như sau:

1. Báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021:

- 1.1. HĐQT và Thụ ký HĐQT: Tổng mức thù lao, lương, và chi phí hoạt động năm 2021 là 1.156.320.000 đồng/năm trong đó:
 - Thành viên HĐQT/Thụ ký HĐQT không chuyên trách:
 - Thù lao của Chủ tịch: 249.600.000 đồng/năm.
 - Thù lao của Phó Chủ tịch 174.720.000 đồng/năm.
 - Thù lao của Thành viên HĐQT là: 124.800.000 đồng/năm.
 - Thụ ký VP.HĐQT là: 108.000.000 đồng/năm
 - Thành viên HĐQT chuyên trách, Thụ ký HĐQT chuyên trách: thực hiện trả lương theo Quy chế trả lương, thưởng của Tổng Công ty.
 - Chi phí hoạt động năm của HĐQT là: Không phát sinh.
- 1.2. Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương, thưởng năm 2021 là 2.185.348.137 đồng, trong đó:
 - Trưởng ban Kiểm soát: 897.442.557 đồng.
 - Kiểm soát viên từ 631.006.297 đồng đến 656.899.283 đồng.
 - Chi phí hoạt động BKS: 27.000.000 đồng.

2. Đề xuất mức thù lao, lương, cho thành viên HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT và ngân sách hoạt động năm 2022:

- 2.1. Thù lao, lương của HĐQT:
 - Dự kiến tổng mức thù lao, lương, bồi dưỡng hợp là 1.156.320.000 đồng (Không thay đổi so với năm 2021).

- Ngân sách hoạt động của HĐQT: 02 tỷ đồng và các chi phí phát sinh khác theo thực tế.

2.2. Đề xuất mức thù lao, lương của BKS

- Mức lương mục tiêu của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:
 - Trưởng Ban kiểm soát Lê Quang Tiếp: 74.500.000 đồng.
 - Kiểm soát viên Nguyễn Hoài Bắc: 52.800.000 đồng.
 - Kiểm soát viên Quản Thị Thu Hà: 50.250.750 đồng.
- Mức lương/thù lao hàng tháng được xác định bằng 75% mức lương mục tiêu nói trên của từng thành viên. Hàng tháng, Ban Kiểm soát được hưởng đầy đủ các phụ cấp (hoặc các khoản hỗ trợ...) theo quy chế lương 49/NQ-HĐQT-VTG.
- Mức lương bổ sung tương ứng với 25% còn lại được căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty để chi trả cho từng cá nhân.
- Ngân sách hoạt động của BKS: **850** triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, NS. Quỳnh 10.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý



V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty”).

Ban Kiểm soát Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2022 như sau:

- Thuộc danh sách 32 Công ty kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2022 (*Chi tiết danh sách đính kèm*).

- Có uy tín, có nhiều kinh nghiệm trong việc triển khai kiểm toán hợp nhất Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS.
- Có kinh nghiệm kiểm toán hợp nhất Báo cáo tài chính các Công ty kinh doanh viễn thông, Công ty kinh doanh dịch vụ tài chính.
- Có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp và có nhiều kinh nghiệm.
- Không xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính.
- Đảm bảo thời gian phát hành báo cáo soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin của công ty đại chúng.
- Đảm bảo phối hợp với kiểm toán viên kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600.

- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thay mặt Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đơn vị kiểm toán (cung cấp dịch vụ tối đa 03 năm) sau khi đã được

lựa chọn theo ý kiến đề xuất của Tổng Giám đốc và có ý kiến thẩm định của Ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, TK. Tiếp 10.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



LÊ QUANG TIỆP



**DANH SÁCH CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIÊN ĐƯỢC CHẤP
THUẬN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG THUỘC
LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN NĂM 2022**

1. CÔNG TY TNHH KPMG (KPMG)
2. CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM (E&Y)
3. CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM (DELOITTE)
4. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C (A&C)
5. CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC (AASC)
6. CÔNG TY TNHH PwC (VIỆT NAM) (PWC)
7. CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM) (GT)
8. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM (RSM)
9. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (VAE)
10. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM (CPA VIETNAM)
11. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (ICPA)
12. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS
AFA VIỆT NAM (ECOVIS AFA VIỆT NAM)
13. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
NAM VIỆT (AASCN)
14. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT (SVC)
15. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TÍN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH (AISC)
16. CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM (AASCS)
17. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC (AAC)
18. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUES)
19. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO (BDO)
20. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC (FAC)
21. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP (TTP)
22. CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO (ASCOFIRM)
23. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)
24. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM (AFC)
25. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO (VACO)
26. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT (AN VIỆT)
27. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐẤT VIỆT (VIETLAND)
28. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY (UHY)
29. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NVT)
30. CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM (PKF)
31. CÔNG TY TNHH CROWE VIỆT NAM (CROWE)
32. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN – KIỂM TOÁN S&S (S&S)



Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel**

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 1 năm 2022 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty”);

Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ Tổng Công ty ban hành ngày 05 tháng 07 năm 2021.

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế về quản trị nội bộ, và Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát của Tổng Công ty như sau:

1. Lý do sửa đổi, bổ sung, ban hành

Theo quy định tại điểm 1, khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, ĐHĐCĐ có thẩm quyền phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

Ngoài ra, theo quy định tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, một số



quy định tại Điều lệ, Quy chế về Quản trị nội bộ của Tổng Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát không còn phù hợp với quy định pháp luật. HĐQT thấy rằng cần sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý nêu trên để có căn cứ thực hiện, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Đề xuất của HĐQT:

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua:

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế về Quản trị nội bộ Tổng Công ty.
- Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát của Tổng Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, HĐQT, PC. Anh 03.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

PHỤ LỤC 1.

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ, QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS TỔNG CÔNG TY

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
I.	SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY				
1.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Định nghĩa “Cổ phần”	Căn cứ Điều 6.3, cổ phần của công ty tại thời điểm ban hành điều lệ, tất cả cổ phần của công ty là cổ phần phổ thông. Do đó quy định thống nhất cách gọi để ngắn gọn và tránh hiểu nhầm công ty còn loại cổ phần khác khi đề cập: “cổ phần phổ thông”.	Không có	“Cổ phần” tại thời điểm ban hành điều lệ này là cổ phần phổ thông của công ty. ⇒ Sử dụng thống nhất cụm từ “cổ phần” thay thế cho cụm từ “cổ phần phổ thông” đang sử dụng.
		Định nghĩa “Luật Doanh nghiệp”	Sửa đổi phù hợp với sự thay đổi của thực tế.	"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020	"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, <u>sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo</u>

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
					<i>phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thu đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.</i>
		Định nghĩa “cổ đông sáng lập”	- Tại Điều lệ (điều 2.2) có nhắc đến cổ đông sáng lập tuy nhiên tại phần giải thích từ ngữ chưa đề cập. - Căn cứ định nghĩa về “cổ đông sáng lập” quy định tại khoản 4, Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020.	Không có	Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.
2.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.	Địa chỉ trụ sở chính Công ty	Sửa đổi để phù hợp với Đăng kí kinh doanh lần 24 ngày 16/7/2021 của Tổng Công ty	- Điện thoại: (+84) 4 6262 6868 - Fax: (+84) 4 6256 8686	- Điện thoại : (+84) 24 6262 6868 - Fax : (+84) 24 6287 4932

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
3.	Điều 4. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty	Mục tiêu hoạt động của công ty	Sửa đổi để đảm bảo từ ngữ sử dụng chính xác, hợp lý.	Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.	Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển <u>vốn chủ sở hữu</u> và vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác.
4.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu		Căn cứ Điều 7, Phụ lục I Thông tư 116/2020 ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <u>30 ngày kể từ ngày thanh toán đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty</u> (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
5.	Điều 11. Quyền của cổ đông		Đã có định nghĩa về cổ đông đã đề cập tại Điều 1 của Điều lệ	1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty....	Bỏ
6.	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của	Bổ sung quy định ĐHĐCĐ có thẩm	Bổ sung để giải quyết vấn đề thông qua các	Không có	ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau:

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
	ĐHĐCĐ	quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật	giao dịch với người có liên quan bị bế tắc ở HĐQT do thành viên HĐQT là người có lợi ích liên quan của một bên trong giao dịch không thể biểu quyết thì sẽ có cơ chế trong Điều lệ để đưa lên ĐHĐCĐ xin ý kiến.		a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; ... r. <u>Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;</u> s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
7.	Điều 15. Đại diện theo ủy quyền		Sửa đổi để thể hiện chính xác bản chất và nội dung của Điều khoản	Đại diện theo ủy quyền	Ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ
8.		Quy định về điều kiện thông qua Nghị quyết (Điều 3.1, 3.2)	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7, Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh	3.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành 3.2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.1	Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và <u>biểu quyết tại cuộc họp</u> tán thành. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ



STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
			ngành, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.	và khoản 4 Điều này.	đồng dự họp và <u>tham gia biểu quyết</u> tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.1 và khoản 4 Điều này.
9.	Điều 30. Biên bản họp HĐQT		Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7, Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
11	Điều 59. Ngày hiệu lực			Bản Điều lệ này gồm 59 điều được	Bản Điều lệ này gồm 59 điều được ĐHĐCĐ Tổng Công ty Cổ phần Đầu

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
				ĐHĐCĐ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	tư Quốc tế Viettel nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
II. SỬA ĐỔI QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ NỘI BỘ					
1.	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	Định nghĩa “Công ty”	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.	“Công ty” là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi lần 23 ngày 16/12/2019	“Công ty” là Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102409426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp sửa đổi <u><i>lần 24 ngày 16/7/2021</i></u>
		Định nghĩa “Luật Doanh nghiệp”	Sửa đổi để phù hợp với thực tế.	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, <i>sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân</i>

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
					<i>Sự.</i>
2.	Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ	Bổ sung quy định ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật	Bổ sung để giải quyết vấn đề thông qua các giao dịch với người có liên quan bị bế tắc ở HĐQT do thành viên HĐQT là người có lợi ích liên quan của một bên trong giao dịch không thể biểu quyết thì sẽ có cơ chế trong Điều lệ để đưa lên ĐHĐCĐ xin ý kiến.	Không có	ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau: b. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; ... r. <i>Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT không đủ điều kiện để biểu quyết thông qua theo quy định của pháp luật;</i> s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3.	Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường	Quy định về Điều kiện đề nghị quyết được thông qua (Điều 3.12)	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7, Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu	a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp biểu quyết tán thành. ... b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản	a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và <u>tham gia biểu quyết</u> tán thành. ... b. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và <u>tham gia biểu quyết</u> tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3.12.a Điều này.

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
			thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự	3.12.a Điều này.	
		Trình tự, điều kiện, cách thức tham gia và bỏ phiếu trực tuyến	Điều 6 của Quy chế đã đề cập đến việc áp dụng các công nghệ hiện đại để cổ động tham gia họp ĐHĐCĐ, tuy nhiên chưa có thông tin cụ thể về trình tự, điều kiện, cách thức tham gia và bỏ phiếu trực tuyến.	Chưa có	Điều 6. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường ... 9.Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua trước khi triển khai thực hiện
4.	Điều 16. Hợp Hội đồng Quản trị	Quy định về trường họp chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp HĐQT.	Bổ sung để thống nhất với quy định tại Điều lệ.	Chưa có quy định.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 30.1 Điều lệ Công ty thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
					doanh nghiệp do từ chối ký biên bản hợp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
5.	Điều 27. Tổng Giám đốc	Quy định về tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc Công ty	Sửa đổi để thống nhất với quy định tại Điều lệ	Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện, yêu cầu luật định (nếu có) và là người không bị pháp luật cấm giữ chức vụ này	Tổng Giám đốc phải đáp ứng các điều kiện, yêu cầu <u>theo quy định tại Điều 34.1 của Điều lệ.</u>
III. SỬA ĐỔI VỀ QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT					
1.	Điều 18. Biên bản họp HĐQT	Quy định về trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 7 Luật số 03/2022/QH15	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản hợp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản hợp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản hợp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản hợp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản hợp. Người ký biên bản hợp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản hợp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản hợp theo quy định của Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
2.	Điều 19. Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản	Bỏ quy định về việc gửi “Phiếu lấy ý kiến” cho thành viên HĐQT mà chỉ thực hiện gửi Phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan khi thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản.	- Căn cứ Khoản 3 Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020 cho phép HĐQT có thể thông qua nghị quyết bằng văn bản, tuy nhiên không quy định cụ thể về trình tự, thủ tục lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản mà căn cứ theo điều lệ và quy định nội bộ của công ty. - Căn cứ theo thực tế tại Tổng Công ty.	... 2. Thông báo lấy ý kiến phải được gửi kèm theo Phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan, được gửi theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, hệ thống thông tin nội bộ hoặc phương tiện khác, nhưng đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh của Công ty; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị; d. Vấn đề cần lấy ý kiến; e. Phương án biểu quyết: “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”. f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty; g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Công ty theo quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì văn bản xin ý kiến	... 2. <u>Phiếu biểu quyết</u> và các tài liệu liên quan, được gửi theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử, hệ thống thông tin nội bộ hoặc phương tiện khác, nhưng đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký tại Công ty. 3. <u>Phiếu biểu quyết</u> phải có các nội dung chủ yếu sau: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp đăng ký kinh doanh của Công ty; b. Mục đích lấy ý kiến; c. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị; d. Vấn đề cần lấy ý kiến; e. Phương án biểu quyết: “Đồng ý”, “Không đồng ý” hoặc “Không có ý kiến”. f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty; g. <u>Họ và tên, chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị tham gia biểu quyết.</u> 4. <u>Phiếu biểu quyết</u> đã được trả lời phải và gửi về Công ty theo quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì văn bản xin ý kiến đó coi như thành viên Hội đồng quản trị

STT	QUY ĐỊNH	NỘI DUNG SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI	QUY ĐỊNH CŨ	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
				kiến đó cói như thành viên Hội đồng quản trị không có ý kiến. ...	không có ý kiến. ...
IV	SỬA ĐỔI VỀ QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT				
1.	Điều 7 quy định về quyền đề cử thành viên BKS của cổ đông/nhóm cổ đông	Điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần.	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 24, 35 Điều lệ TCT	Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần trở lên	Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 05% cổ phần phổ thông trở lên
2.	Điều 8 về bãi nhiệm thành viên BKS	Thêm trường hợp vi phạm	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Điều 174 Luật DN 2020.	ĐHĐCĐ bãi nhiệm TV BKS trong trường hợp vi phạm nhiều lần nghĩa vụ thành viên BKS	ĐHĐCĐ bãi nhiệm TV BKS trong trường hợp vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thành viên BKS

Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (“Luật doanh nghiệp 2020”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“Tổng Công ty”).

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

1. Lý do sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh

- Hiện nay Tổng Công ty đang thực hiện ký một số hợp đồng với các thị trường để cung cấp các dịch vụ, hàng hóa thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin và trong thời gian tới dự định sẽ thực hiện thêm một số hoạt động thương mại liên quan đến nội dung này. Do vậy, Tổng Công ty cần thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh “Môi giới thương mại” nhằm giúp việc kinh doanh của Tổng Công ty được thuận tiện hơn.
- Thêm vào đó, căn cứ theo định hướng chiến lược và sự chuyển đổi hoạt động của Tổng Công ty trong thời gian tới, dự kiến Tổng Công ty sẽ cần bổ sung thêm các ngành nghề phục vụ kinh doanh các dịch vụ số, giải pháp thu hồi vốn bằng hàng hóa. Theo đó, Tổng Công ty dự kiến bổ sung ngành nghề kinh doanh “Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính”.
- Ngoài ra, một số thị trường đầu tư của Tổng Công ty đang thiếu hụt nguồn cung USD dẫn đến việc các Công ty con/Công ty liên kết



không có nguồn USD để trả nợ hợp đồng mua thiết bị với Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty dự kiến ký kết hợp đồng thu mua nông sản với các công ty này. Vì vậy, Tổng Công ty cần thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh “Bán buôn nông lâm sản (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống”.

2. **Căn cứ sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty**

Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020, Đại hội đồng cổ đông có quyền phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ (bao gồm sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty). Thêm vào đó, theo điểm đ, điều 14 Điều lệ của Tổng Công ty, Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Do vậy, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh phải được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

3. **Đề xuất của HĐQT:**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc bổ sung các ngành nghề sau vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổng Công ty:

- (i) Đại lý môi giới, đầu giá hàng hóa.
- (ii) Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan.
- (iii) Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính.
- (iv) Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VPHĐQT. Trang 02.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Về việc chấp thuận Hợp đồng, giao dịch
với bên có liên quan năm 2022 và năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Quốc tế Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ hiện tại của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (“**Tổng Công ty**” hoặc “**VTG**”).

Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) xem xét chấp thuận về chủ trương Tổng Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch mua bán vật tư, thiết bị và dịch vụ với các bên có liên quan trong năm 2022 và năm 2023 như sau.

I. Báo cáo các Hợp đồng giao dịch đã triển khai trong năm 2021 và 06 tháng đầu năm 2022

Trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022, Tổng Công ty phát sinh các hợp đồng, giao dịch mua thiết bị, dịch vụ, giải pháp với các bên liên quan là các công ty có vốn góp của Tập đoàn Viettel (Công ty mẹ của Tổng Công ty) và các hợp đồng giao dịch bán vật tư, thiết bị, dịch vụ, phần mềm, giải pháp cho các bên liên quan là các Công ty có vốn góp của Tổng Công ty. Cụ thể:

- Năm 2021: Đã được ký kết là 57 hợp đồng, với tổng giá trị 56,2 triệu USD trong đó hợp đồng bán là 45.1 triệu USD/40 giao dịch và hợp đồng mua là 11.1 triệu USD/17 giao dịch.
- 06 tháng đầu năm 2022: Đã ký kết là 21 hợp đồng với tổng giá trị 32,7 triệu USD.

Việc Tổng Công ty bán thiết bị vật tư, dịch vụ cho các Công ty con tại các thị trường nhằm đảm bảo chất lượng công nghệ của thiết bị, tương thích từ thiết kế đến thi công lắp đặt và khai thác; tiết kiệm các chi phí phát sinh đầu vào (năm 2021 tiết kiệm được ~2,5 triệu USD) do đàm phán được giá rẻ khi mua lô lớn trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu biến động vì dịch bệnh cũng như đáp tốt yêu cầu chào mua của Công ty thị trường. Đồng thời, việc mua thiết bị và bán cho các Công ty thị trường sẽ tạo cho Tổng Công ty một khoản doanh thu, lợi nhuận thương mại nhất định: các Hợp đồng, giao dịch thương mại với các bên liên quan năm 2021 đã mang lại cho Tổng Công ty doanh thu gộp 2.284 tỷ đồng và 1.044 tỷ đồng lợi nhuận gộp.

II. Đề xuất ký các hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan trong giai



đoạn 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023

Theo kế hoạch đầu tư mua sắm của các Công ty con tại các thị trường, 6 tháng cuối năm 2022 và năm 2023, Tổng Công ty tiếp tục phát sinh các hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan như trên. Cụ thể:

1. Năm 2022:

Các giao dịch với bên có liên quan dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2022 (từ sau cuộc họp ĐHĐCĐ đến hết năm 2022) bao gồm:

1.1. Hợp đồng bán vật tư thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ quản lý, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT cho bên có liên quan.

1.1.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. (“VTC”).
- Công ty Star Telecom Co., Ltd. (“STL”).
- Công ty Movitel SA. (“MVT”).
- Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd. (“Mytel”).
- Công ty National Telecom SA. (“NCM”).
- Công ty Viettel Burundi S.A. (“VTB”).
- Công ty Viettel Tanzania Limited. (“VTZ”).
- Công ty Viettel Timor Leste Ltd. (“VTL”).
- Công ty Viettel Peru SAC. (“VTP”).
- Các Công ty nêu trên thành lập hoặc liên kết đầu tư.

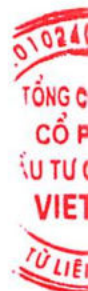
Là các Công ty triển khai dự án tại nước ngoài, các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty triển khai dự án tại nước ngoài do Tổng Công ty, hoặc Công ty triển khai dự án tại nước ngoài góp vốn đầu tư.

1.1.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

1.2. Hợp đồng mua vật tư thiết bị, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ quản lý.

1.2.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty TNHH MTV Thông tin M3 (M3).
- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel (“Logistics Viettel”).
- Công ty TNHH Nhà nước MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Viettel (“Viettelimex”).
- Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. (“VHT”).
- Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (“VTT”).
- Công ty TNHH Viettel – CHT (“IDC”).
- Tổng Công ty Giải pháp Doanh nghiệp Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (“VTS”).
- Tổng Công ty Mạng lưới Viettel (“VNet”).
- Tổng Công ty Dịch vụ số Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp -



Viễn thông Quân đội (“VDS”).

- Công ty An ninh mạng Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (“VCS”).

Là các chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc Công ty mà Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có khả năng chi phối hoạt động thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty.

1.2.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

2. Năm 2023:

2.1 Hợp đồng bán vật tư thiết bị, dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ quản lý, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT cho bên có liên quan.

2.1.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty Viettel (Cambodia) Pte. Ltd. (“VTC”).
- Công ty Star Telecom Co., Ltd. (“STL”).
- Công ty Movitel SA. (“MVT”).
- Công ty Telecom International Myanmar Co., Ltd. (“Mytel”).
- Công ty National Telecom SA. (“NCM”).
- Công ty Viettel Burundi S.A. (“VTB”).
- Công ty Viettel Tanzania Limited. (“VTZ”).
- Công ty Viettel Timor Leste Ltd. (“VTL”).
- Công ty Viettel Peru SAC. (“VTP”).
- Các Công ty nêu trên thành lập hoặc liên kết đầu tư.

Là các Công ty triển khai dự án tại nước ngoài, các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty triển khai dự án tại nước ngoài do Tổng Công ty, hoặc Công ty triển khai dự án tại nước ngoài góp vốn đầu tư.

2.1.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính: Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

2.2 Hợp đồng mua vật tư thiết bị, hệ thống, phần mềm, giải pháp CNTT, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ quản lý.

2.2.1. Đơn vị mà Tổng Công ty thực hiện giao dịch.

- Công ty M3.
- Công ty Logistics Viettel.
- Công ty Viettelimex.
- Tổng Công ty VHT.
- Tổng Công ty VTT.
- Công ty IDC.
- Tổng Công ty VTS.
- Tổng Công ty VTNet.
- Tổng Công ty VDS.

7426
NG TY
ẤN
C T
EL
T.P

- Công ty VCS.

Là chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội hoặc Công ty mà Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội có khả năng chỉ phối hoạt động thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty

2.2.2. Giá trị hợp đồng của từng giao dịch tạm tính:

Không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản Tổng Công ty.

Theo Điều 167, thẩm quyền chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với bên có liên quan là ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Tổng Công ty.

Đề xuất:

Do các giao dịch mua, bán nêu trên có tính chất thường xuyên và đảm bảo tiến độ theo từng đợt đầu tư của các công ty tại thị trường; đồng thời vẫn đảm bảo doanh thu và lợi nhuận cho Tổng Công ty, kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận:

- Thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch nêu trên;
- Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện tính toán, đánh giá các giao dịch nêu trên và báo cáo HĐQT, đảm bảo nguyên tắc không có những thay đổi bất lợi cho Tổng Công ty, tuân thủ đúng thông lệ quốc tế, pháp luật Việt Nam và pháp luật các nước có công ty yêu cầu cung cấp.

Tổng Công ty có trách nhiệm công bố thông tin chi tiết giao dịch liên quan trên báo cáo quản trị nội bộ và báo cáo lại ĐHĐCĐ kết quả thực hiện ký kết các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong năm 2022 – 2023 (từ sau kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đến kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023) trong cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2023.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VPHĐQT. Hiền 05.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý



Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị Nhiệm kỳ 2018 - 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;

*Căn cứ Điều lệ hiện tại của Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel (“**Tổng Công ty**”);*

*Căn cứ vào đơn xin từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị (“**HĐQT**”) của ông Tào Đức Thắng, do được đơn vị đề cử giao nhiệm vụ khác;*

Căn cứ vào Biên bản, Nghị quyết HĐQT ngày 12/01/2022 về việc tiếp nhận đơn đề nghị thôi đảm nhiệm chức danh thành viên HĐQT Tổng Công ty của ông Tào Đức Thắng,

HĐQT kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét:

- Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT theo đơn đề nghị của ông Tào Đức Thắng.
- Giao HĐQT thông báo để các cổ đông có đủ điều kiện thực hiện đề cử bổ sung thành viên HĐQT theo quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc thông qua cơ cấu của HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông TCT;
- Lưu: VT, VP HĐQT. Trang 02.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Hải Lý